Quy tắc tu hành của đồng học Tịnh Tông – HT Tịnh Không soạn  
(Tịnh Tông Đồng Học Tu Hành Thủ Tắc)

**Phần 1**

**Tri ân báo ân**

**Thượng báo tứ trọng ân, hạ tế tam đồ khổ**

**Học vi nhân sư, hành vi thế phạm**

**I. Giáo y**(kinh giáo nương theo):

(1) Cùng nương theo [Tịnh tông ngũ kinh](https://tinhtongvn.blogspot.com/2017/11/tinh-o-ngu-kinh.html) nhất luận.  
(2) Chuyên nhất nương theo [Vô Lượng Thọ Kinh - Hạ lão hội tập bản](http://tinhtong.org/main/taiLieu/kinh-PDF/KinhVLT/Viet/KinhVoLuongTho-DucNiem-srcVienGiacDe.pdf), [Phật Thuyết A Di Đà Kinh](http://www.duongvecoitinh.com/audio/kinh-a-di-da/kinh-a-di-da.pdf) - [Ngẫu Ích Đại Sư Yếu Giải](https://drive.google.com/file/d/1rXQJpjxLblhKtloHPuq4j5F412DuAmtt/view?usp=drivesdk), [Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm](http://www.phapthihoi.org/kinh/Ebooks/Giang-Kinh/Kinh-Hoa-Nghiem/Kinh-Hanh-Nguyen-Pho-Hien-Hanh-Co-Dich.pdf) - Thanh Lương Đại Sư Sớ Sao để tu học.  
(3) Nương theo Tịnh tông Tổ sư ngữ lục: Ấn Quang Đại Sư Văn Sao.  
  
**II. Lý y**(lý luận nương theo):  
  
(1) Lòng tin nương theo Yếu Giải lục tín (tự, tha, nhân, quả, sự, lý), vâng giữ pháp tạng nhiệm mầu Như Lai, hộ trì giống Phật khiến không dứt.  
  
(2) Thập giới nhất chân, thế xuất thế pháp, duy tâm sở hiện, duy thức sở biến, quán pháp như huyễn, tam muội thường tịch, thông chư pháp tánh, đạt chúng sinh tướng.  
  
(3) An trụ trong trí huệ chân thật, khai hóa hiển bày chân thật tế, đem lại lợi ích chân thật, với các chúng sinh, xem như chính mình, niệm niệm lợi khắp quần sanh, tâm tâm lưu nhập biển giác.  
  
(4) Lấy chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi làm tâm, lấy nhìn thấu, buông xuống, tự tại, tùy duyên làm hạnh, phá trừ hết thảy vọng tưởng chấp trước.  
  
(5) Phát bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm A Di Đà Phật, quyết định một đời vãng sinh bất thoái thành Phật.  
  
**III. Hạnh y**(thực hành theo):  
(1) Quán Kinh Tam Phước: [1] Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp. [2] Thọ trì tam quy, cụ túc chúng giới, bất phạm oai nghi. [3] Phát bồ đề tâm, thâm tín nhân quả, đọc tụng đại thừa, khuyến tấn hành giả.  
  
(2) Lục hòa kính: kiến hòa đồng giải, giới hòa đồng tu, thân hòa đồng trụ, khẩu hòa vô tranh, ý hòa đồng duyệt, lợi hòa đồng quân.  
  
(3) Tam vô lậu học: khởi tâm động niệm, vĩnh viễn xa lìa tam độc ác não, tất cùng thanh tịnh (giới), bình đẳng (định), chánh giác (huệ) tương ưng.  
  
(4) Bồ Tát lục độ: hằng hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ, sáu ba la mật, giáo hóa chúng sanh an trụ đạo vô thượng chân chánh.  
  
(5) Phổ Hiền Thập Nguyện: đều cùng tuân tu hạnh đức của Phổ Hiền Đại Sĩ, [1] lễ kính chư phật, [2] xưng tán như lai, [3] quảng tu cúng dường, [4] sám hối nghiệp chướng, [5] tùy hỉ công đức, [6] thỉnh chuyển pháp luân, [7] thỉnh phật trụ thế, [8] thường tùy phật học, [9] hằng thuận chúng sinh, [10] phổ giai hồi hướng. Học tập Bồ Tát, tu đại nguyện này, không có cùng tận, niệm niệm tương tục, không để gián đoạn, thân ngữ ý nghiệp, không hề nhàm mỏi.  
 **IV. Quả cầu**(kết quả mong đạt được):  
(1) Thực tiễn tứ hảo, giữ tâm tốt, nói lời tốt, làm việc tốt, thành người tốt, thành tựu tự thân, trang nghiêm các hạnh, quỹ phạm đầy đủ.  
(2) Noi theo năm mươi ba thiện hữu tri thức trong kinh Hoa Nghiêm, thề làm mô phạm tốt cho thế gian chúng sinh, gia đình, công tác, xã đoàn.  
(3) Hòa mục các tộc quần, tôn giáo, văn hóa, giữ những điều khác biệt mà vẫn đạt tới sự hòa đồng, cùng tồn tại, cùng phát triển.  
(4) An định xã hội, nhân đức hưng vượng, hỗ trợ hợp tác, mọi người đều bình đẳng, giàu có, vui vẻ, lợi lạc, hạnh phúc mỹ mãn, khuyến dụ sách tấn thế giới vĩnh cửu hòa bình.  
(5) Tin sâu nhân quả, tín nguyện niệm Phật, cầu sinh Tịnh Độ, cùng chư thượng thiện, đồng hội Di Đà nhất thừa nguyện hải.  
  
*Bốn cương yếu trên đây xin kính cẩn cống hiến cho lần thứ nhất Tịnh Tông Liên Nghị Hội chư thượng thiện nhân tham khảo chỉ giáo.*  
*Thích Tịnh Không kính hiến, tháng 12 năm 1997.*

Phần 2

### Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh (trích lục 62 điều)

**1. Tâm thường đế trụ độ thế chi đạo.**

(Tâm thường trụ chắc nơi đạo độ thế)

**2. Vi chư thứ loại, tác bất thỉnh chi hữu.**

(Vì các thứ loại, làm bạn không thỉnh)

**3. Vu chư chúng sinh, thị nhược tự kỷ.**

(Với các chúng sinh, xem như chính mình)

**4. Bất kế chúng khổ.**

(Không nề các khổ)

**5. Thiểu dục tri túc.**

(Ít muốn biết đủ)

**6. Ư chư hữu tình, thường hoài từ nhẫn.**

(Với các hữu tình thường mang lòng từ nhẫn)

**7. Hòa nhan ái ngữ, khuyến dụ sách tấn.**

(Vẻ mặt nhu hòa, lời nói dịu dàng, khuyến dụ sách tấn)

**8. Cung kính tam bảo.**

**9. Phụng sự sư trưởng.**

**10. Thiện hộ khẩu nghiệp, bất cơ tha quá.**

(Khéo giữ khẩu nghiệp, không nói lỗi người)

**11. Thiện hộ thân nghiệp, bất thất luật nghi.**

(Khéo giữ thân nghiệp, không mất oai nghi)

**12. Thiện hộ ý nghiệp, thanh tịnh vô nhiễm.**

(Khéo giữ ý nghiệp, thanh tịnh không nhiễm)

**13. Quán pháp như hóa, tam muội thường tịch.**

(Quán pháp như huyễn, tam muội thường tịch)

**14. Phát bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm, A Di Đà Phật.**

**15. Phụng trì trai giới.**

**16. Hữu không nhàn thời, đoan chánh thân tâm, tuyệt dục khử ưu, từ tâm tinh tấn.**

(Hễ có lúc rảnh rỗi liền đoan chánh thân tâm, tuyệt dục, bỏ lo lắng, từ tâm tinh tấn)

**17. Bất đương sân nộ tật đố.**

(Không nên hờn giận, ganh ghét)

**18. Yếu đương hiếu thuận, chí thành trung tín.**

(Phải nên hiếu thuận, chí thành, trung tín)

**19. Đương tín tác thiện đắc phước.**

(Nên tin làm lành được phước)

**20. Bất đắc tham thiết xan tích.**

(Không nên tham tiếc, keo kiệt)

**21. Bất sát sinh.**  
**22. Bất thâu đạo.**  
**23. Bất dâm dục.**  
**24. Bất vọng ngôn.**  
**25. Bất ỷ ngữ.**  
**26. Bất ác khẩu.**  
**27. Bất lưỡng thiệt.**  
**28. Bất tham.**  
**29. Bất sân.**  
**30. Bất si.**  
(Không giết hại sinh vật, không trộm cắp, không dâm dục, không nói dối, không thêu dệt, không nói lời hung dữ, không nói đâm thọc, không tham lam, không giận hờn, không si mê)

**31. Kiểm liễm đoan trực, thân tâm khiết tịnh.**  
(Kiềm chế, thâu liễm, đoan nghiêm, chánh trực, thân tâm khiết tịnh)

**32. Phụ tử huynh đệ phu phụ thân thuộc, đương tương kính ái.**  
(Cha con anh em, vợ chồng thân thuộc nên thương kính nhau)

**33. Ngôn sắc thường hòa, mạc tương vi lệ.**  
(Nói năng hòa nhã, đừng chống đối nhau)

**34. Trạch kỳ thiện giả, cần nhi hành chi.**  
(Chọn lựa điều thiện để siêng năng thực hành)  
  
**35. Đương cần tinh tấn.**  
(Phải nên siêng năng tinh tấn)  
 **36. Vật đắc tùy tâm sở dục, khuy phụ kinh giới.**  
(Đừng theo tâm tham dục, cô phụ kinh giới)  
  
**37. Hà bất ư cường kiện thời, nỗ lực tu thiện, dục hà đãi hồ.**  
(Lúc còn cường tráng sao không nỗ lực tu thiện, đợi đến lúc nào?)  
  
**38. Kính ư Phật giả, thị vi đại thiện.**  
(Kính Phật là điều đại thiện)

**39. Thực đương niệm phật, tiệt đoạn hồ nghi.**  
(Thật phải nên niệm Phật, cắt đứt hồ nghi)  
  
**40. Khai thị chánh đạo, độ vị độ giả.**  
(Khai thị chánh đạo, độ người chưa độ)  
 **41. Tẩy trừ tâm cấu.**  
(Rửa trừ cấu nhơ trong tâm)  
  
**42. Ngôn hạnh trung tín, biểu lý tương ứng.**  
(Nói năng hành động thành tín, trong ngoài hợp nhất)  
  
**43. Thụ Phật minh hối, chuyên tinh tu học, như giáo phụng hành, bất cảm hữu nghi.**  
(Vâng lời Phật dạy chuyên cần tu học, y giáo phụng hành, không dám có lòng nghi ngờ)  
  
**44. Đoan tâm chánh ý, bất vi chúng ác.**  
(Tâm ý chánh trực, không làm điều ác)  
  
**45. Đoan thân chánh niệm, ngôn hạnh tương phó, sở tác chí thành.**  
(Đoan thân chánh niệm, ngôn hành tương xứng, việc làm chí thành)  
  
**46. Độc tác chư thiện, bất vi chúng ác.**  
(chỉ làm các điều thiện, không làm các điều ác)  
 **47. Tôn thánh kính thiện.**  
 **48. Nhân từ bác ái.**  
  
**49. Thân tâm khiết tịnh, dữ thiện tương ứng.**  
(Thân tâm thanh tịnh cùng thiện tương ưng)  
  
**50. Vật tùy thị dục, bất phạm chư ác.**  
(Đừng theo thị dục, không phạm điều ác)  
  
**51. Ngôn sắc đương hòa, thân hành đương chuyên, động tác chiêm thị, an định từ vi.**  
(Ngôn sắc hòa diệu, thân hành chuyên cần, hành vi cử chỉ bình tĩnh từ tốn)  
  
**52. Từ tâm chuyên nhất, trai giới thanh tịnh.**  
 **53. Tự tương ước kiểm, hòa thuận nghĩa lý, hoan nhạc từ hiếu.**  
(Cùng nhau kiểm điểm, hòa thuận đạo nghĩa, hoan hỷ từ hiếu)  
 **54. Sở tác như phạm, tắc tự hối quá.**  
(Nếu có sai phạm phải tự hối cải)  
  
**55. Khứ ác tựu thiện, triêu văn tịch cải.**  
(Bỏ ác làm lành, sáng nghe tối sửa)  
  
**56. Cải vãng tu lai, tẩy tâm dịch hạnh.**  
(Sửa xưa tu nay, gột rửa thân tâm)  
 **57. Tâm vô hạ liệt, diệc bất cống cao.**  
(Tâm không tự ti, cũng không cống cao)  
  
**58. Vị cầu pháp cố, bất sinh thoái khuất siểm ngụy chi tâm.**  
(Vì để cầu pháp này thì chớ nên sanh lòng thoái chuyển, cong vạy, siểm ngụy)

**59. Đương hiếu ư Phật.**  
(Nên hiếu với Phật)  
  
**60. Thường niệm sư ân.**  
(Thường nghĩ đến ơn thầy)  
  
**61. Chủng tu phước thiện, cầu sinh tịnh sát.**  
(Vun bồi phước thiện, cầu sanh cõi tịnh)  
  
**62. Tích công lũy đức.**  
(Tích lũy công đức)

**Phần 3**

### Phát Khởi Bồ Tát Thù Thắng Chí Nhạo Kinh (trích lục 39 điều)

**1. Dĩ chủng chủng nhu nhuyễn ngôn từ, vị thuyết pháp yếu, linh kỳ hoan hỷ.**

(Dùng các lời lẽ mềm mỏng nói pháp yếu khiến họ hoan hỷ)

**2. Kiến tại gia, xuất gia Bồ Tát thừa nhân, thường sanh tín kính, khởi giáo sư tưởng.**

(Thấy người thuộc Bồ Tát thừa dù là tại gia, hay là xuất gia, thường sanh lòng tin kính, tưởng như thầy dạy)

**3. Bất cầu tha quá thất**  
(Chớ tìm cầu lỗi người)

**4. Bất cử nhân tội**  
(Đừng cử tội người)

**5. Ly thô ngữ, xan lận**  
(Lìa lời thô, keo bẩn)

**6. Đương xả ư giải đãi**  
(Hãy bỏ rời giải đãi)

**7. Viễn ly chư hội náo**  
(Xa lìa các ồn náo)

**8. Tịch tĩnh, thường tri túc**  
(Tịch tĩnh, thường biết đủ)

**9. Bất trước danh văn, lợi dưỡng, quả báo.**  
(Chẳng chấp vào danh tiếng, lợi dưỡng, quả báo)  
  
**10. Thường vị chúng sanh, quảng tuyên chánh pháp.**  
(Thường vì chúng sanh rộng nói chánh pháp)  
 **11. Trụ thanh tịnh hạnh, sanh giác ngộ tâm.**  
(Trụ hạnh thanh tịnh, sanh tâm giác ngộ)  
  
**12. Dĩ thiểu công dụng, thiện năng lợi ích vô lượng chúng sanh.**  
(Dùng ít công sức mà khéo có thể lợi ích vô lượng chúng sanh)  
  
**13. Phát khởi tinh tấn, phổ hộ chánh pháp.**  
(Phát khởi tinh tấn, hộ trì hết thảy chánh pháp)  
  
**14. Nhất thiết hạnh trung, tùy thuận nhi trụ.**  
(Tùy thuận trụ trong hết thảy các hạnh)  
  
**15. Hộ trì chánh pháp, bất tích thân mạng.**  
(Hộ trì chánh pháp, chẳng tiếc thân mạng)  
  
**16. Thường cần tinh tấn, bất cầu lợi dưỡng.**  
(Thường siêng tinh tấn, chẳng cầu lợi dưỡng)  
  
**17. Ư tứ chúng trung, tuyên thuyết chánh pháp.**  
(Ở trong tứ chúng, tuyên nói chánh pháp)  
  
**18. Thiện nhập nhất thiết chúng sanh tâm hạnh.**  
(Khéo vào trong tâm hạnh của hết thảy chúng sanh)  
  
**19. Tâm ý điều nhu, thường hoài từ mẫn.**  
(Tâm ý nhu hòa, thường ôm lòng từ mẫn)  
  
**20. Ư nhất thiết pháp, phát sanh thắng nhẫn, vô chấp trước tâm.**  
(Đối với hết thảy pháp, phát sanh tâm nhẫn thù thắng, không tâm chấp trước)  
  
**21. Bất tham lợi dưỡng, cung kính, tôn trọng, tịnh ý lạc tâm.**  
(Chẳng tham lợi dưỡng, cung kính, tôn trọng, tâm giữ ý lạc thanh tịnh)  
 **22. Cầu Phật chủng trí, ư nhất thiết thời, vô vong thất tâm.**  
(Cầu Phật chủng trí, trong hết thảy thời, tâm chẳng quên mất)  
  
**23. Ư chư chúng sanh, tôn trọng, cung kính, vô hạ liệt tâm.**  
(Đối với các chúng sanh tôn trọng, cung kính, không tâm hèn kém)  
 **24. Bất trước thế luận, ư Bồ Đề phần, sanh quyết định tâm.**  
(Chẳng dính mắc thế luận, sanh tâm quyết định nơi Bồ Đề phần)  
  
**25. Chủng chư thiện căn, vô hữu tạp nhiễm, thanh tịnh chi tâm.**  
(Trồng các căn lành, tâm thanh tịnh chẳng có tạp nhiễm)  
  
**26. Thanh tịnh thù thắng nghiệp, ái nhạo thường tu tập.**  
(Nghiệp thanh tịnh thù thắng, yêu thích thường tu tập)  
  
**27. Đương xả hạ liệt nghiệp, ưng cầu thắng thượng pháp.**  
(Nên bỏ nghiệp hèn kém, nên cầu pháp thắng thượng)  
  
**28. Độc tụng, tu hành, vị nhân diễn thuyết.**  
(Đọc tụng, tu hành, vì người khác diễn nói)  
  
**29. Ư nhất cần tu thiền định Bồ Tát, diệc đương thân cận, cúng dường, thừa sự.**  
(Với một Bồ Tát tu thiền định, cũng phải nên thân cận, cúng dường, thừa sự)  
  
**30. Ư trí huệ trung, đương cần tu tập.**  
(Hãy nên siêng tu tập nơi trí huệ)  
  
**31. Hý luận, tránh luận xứ, đa khởi chư phiền não, trí giả ưng viễn ly.**  
(Chỗ hý luận, tranh luận, khởi nhiều các phiền não, người trí nên xa lìa)  
  
**32. Vị cầu vô thượng đạo, văn pháp vô yểm túc.**  
(Để cầu đạo vô thượng, nghe pháp không chán đủ)  
  
**33. Thường xả nhất thiết, phi pháp chi hý luận.**  
(Thường bỏ hết thảy, những hý luận phi pháp)  
  
**34. Bất ưng kiến nhân quá, tự vị tối tôn thắng.**  
(Chẳng nên thấy lỗi người, tự bảo tôn thắng nhất)  
  
**35. Kiêu tứ, phóng dật bổn. Mạc khinh hạ liệt nhân.**  
(Kiêu tứ: gốc phóng dật. Chớ khinh kẻ kém hèn)  
 **36. Giác ngộ sanh tàm quý, an trụ tinh tấn lực.**  
(Giác ngộ sanh hổ thẹn, an trụ sức tinh tấn)

**37. Ư chư chúng sanh, khởi ư đại từ, vô tổn hại tâm.**  
(Đối với các chúng sanh, khởi tâm đại từ, không tổn hại)

**38. Sở hành tội nghiệp tàm quý phát lộ.**  
(Tội nghiệp trót làm hổ thẹn bày tỏ)  
 **39. Cần tu nhẫn nhục hạnh, đương trụ ư nhẫn nhục.**  
(Siêng tu hạnh nhẫn nhục, nên trụ trong nhẫn nhục)  
  
(Ghi chú: Nguyên bản có 45 câu, nhưng vì một số câu không có trong kinh hoặc bị trùng lặp nên ở đây lược bớt)

Phần 4

### Tịnh Nghiệp Học Nhân Tu Hành Ngũ Đại Khoa Mục

**PHẦN MỤC LỤC**  
  
1. Tam Phước.  
  
Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng thờ sư trưởng, lòng từ bi không giết hại, tu thập thiện nghiệp.  
  
Thọ trì tam quy, giữ vẹn các giới, chẳng phạm oai nghi.  
  
Phát bồ đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng kinh đại thừa, khuyến tấn người tu hành.  
  
2. Lục Hòa Kính.  
  
Kiến hòa đồng giải, giới hòa đồng tu, thân hòa đồng trụ, khẩu hòa vô tranh, ý hòa đồng duyệt, lợi hòa đồng quân.  
  
3. Tam Học.  
  
Giới, Định, Huệ.  
  
4. Lục Độ.  
  
Lục độ là Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí huệ.  
  
5. Thập Đại Nguyện Vương của Phổ Hiền Bồ Tát.  
  
Lễ kính chư Phật, xưng tán Như Lai, quảng tu cúng dường, sám hối nghiệp chướng, tùy hỷ công đức, thỉnh chuyển pháp luân, thỉnh Phật trụ thế, thường tùy Phật học, hằng thuận chúng sanh, phổ giai hồi hướng.  
  
[***>> Xem tiếp phần 5***](https://tinhtongvn.blogspot.com/2017/11/luat-yeu-tiet-luc-quyen-thuong.html)  
  
**PHẦN GIẢI THÍCH**  
  
1. Tam Phước.  
  
Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng thờ sư trưởng, lòng từ bi không giết hại, tu thập thiện nghiệp.  
Thọ trì tam quy, giữ vẹn các giới, chẳng phạm oai nghi.  
  
Phát bồ đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng kinh đại thừa, khuyến tấn người tu hành.  
  
Trong kinh Quán Vô Lượng thọ Phật gọi là Tịnh Nghiệp Tam Phước, ba thứ tịnh nghiệp này là Tam Thế Chư Phật Tịnh Nghiệp Chánh Nhân, câu này vô cùng quan trọng, khiến cho chúng ta hiểu rõ ba đời tất cả chư Phật tu hành chứng quả, đều phải y theo Tam Phước làm nền tảng, thì cũng như chúng ta xây cất nhà lầu vậy, bất luận là xây cao bao nhiêu tầng, đều phải đắp nền móng. Tịnh Nghiệp Tam Phước là nền móng, là nền tảng cộng đồng của Phật pháp, nhất định là phải từ trên nền tảng này xây dựng, mới có thể thành tựu tất cả Phật pháp, điều này vô cùng vô cùng quan trọng.  
  
Phước báo nhân thiên. Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng thờ sư trưởng, lòng từ bi không giết hại, tu thập thiện nghiệp.  
  
Phước báo nhị thừa. Thọ trì tam quy, giữ vẹn các giới, chẳng phạm oai nghi.  
  
Phước báo đại thừa. Phát bồ đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng kinh đại thừa, khuyến tấn người tu hành.  
  
A. Phước báo nhân thiên: Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng thờ sư trưởng, lòng từ bi không giết hại, tu thập thiện nghiệp.  
  
Hiếu dưỡng cha mẹ, chữ hiếu này thuộc về hội ý, chúng ta phải thể hội ý nghĩa của chữ này, trên là chữ Lão, dưới là chữ Tử, tức là bảo với chúng ta rằng, đời trước và đời sau là một thể, là một chẳng phải hai… Hay nói cách khác, toàn cả vũ trụ là một chữ Hiếu, tận hư không biến pháp giới là một chữ Hiếu… Chẳng những chúng ta nuôi dưỡng cái thân của cha mẹ, còn phải nuôi dưỡng cái tâm của cha mẹ, nuôi dưỡng cái chí của cha mẹ. Trong Giới Kinh nói: tất cả người nam là cha ta, tất cả người nữ là mẹ ta. Đem cái tâm hiếu thuận cha mẹ phát dương quang đại, tận hư không biến pháp giới, tức là Hiếu Đạo.  
  
Phụng thờ sư trưởng. Phật pháp là sư đạo, lấy hiếu đạo làm nền tảng, không có hiếu đạo thì không có sư đạo… Cho nên phải hiếu thuận cha mẹ cũng phải tôn kính thầy… Hiếu kính là tánh đức, chỉ có tánh đức mới có thể khai phát tự tánh… Đây là căn cơ của căn bản, vô cùng quan trọng… Người biết hiếu thuận cha mẹ thì biết tôn kính sư trưởng… Phật là vị thầy sớm nhất của chúng ta, Ngài chỉ dạy chúng ta phải tôn kính sư trưởng… Chúng ta tôn thờ tượng Phật Bồ Tát, và thờ Tổ Tiên, khi nhìn thấy hình tượng của Phật Bồ Tát, thì chúng ta nghĩ đến hiếu kính, hiếu thân tôn sư.  
  
Lòng từ bi không giết hại, từ bi là tánh đức, là một khoa mục vô cùng quan trọng, lòng hiếu kính mở rộng tức là từ bi, có lòng từ bi thì không sát sanh, cái dụng ý này rất sâu… Trong tất cả ác nghiệp, sát nghiệp là nặng nhất. Tại vì sao? vì tất cả chúng sanh có mạng sống, không một ai mà không trân quí cái mạng sống của mình, không có một ai mà không tham sống sợ chết… Cho nên chúng ta không thể sát sanh, sát sanh là bất kính với Phật, là bất hiếu với cha mẹ, bởi vì Phật dạy chúng ta phải giữ giới căn bản, giới thứ nhất là không sát sanh, nếu chúng ta còn sát sanh, thì làm trái nghịch lời dạy của Phật, tức là không tôn kính sư trưởng cũng không hiếu thuận cha mẹ… Sát hại chúng sanh, chẳng những mất đi lòng từ bi cũng mất đi lòng hiếu kính.  
  
Tu thập thiện nghiệp, thập thiện nghiệp là tiêu chuẩn thiện pháp của thế gian… Phật bảo với chúng ta rằng, phát tâm tu thập thiện nghiệp, thì tuyệt đối không đọa tam ác đạo, thượng phẩm thập thiện có thể sanh lên cõi trời, nếu có tu thêm thiền định, và tứ vô lượng tâm, tức là Từ Bi Hỷ Xả, thì có thể sanh lên cõi trời sắc giới và cõi vô sắc giới. Phật quy nạp thập thiện nghiệp thành ba đại loại, tức là Thân, Khẩu, Ý.  
  
Thân nghiệp có ba, không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, đây là đối với các bạn đồng tu tại gia mà nói, nếu là người xuất gia thì không dâm dục, phải đem lòng tham ái đoạn cho được sạch sẽ rốt ráo. Trộm cắp tức không cho mà lấy, lậu thuế cũng là trộm cắp, trộm cắp của nhà nước, tạo cái nghiệp này rất nặng… Cho nên người chân chánh học Phật, nhất định phải tuân thủ pháp luật của nhà nước… Không phạm giới sát, không phạm giới dâm, không phạm giới trộm cắp, thì gọi là thân nghiệp thanh tịnh.  
  
Khẩu nghiệp có bốn, một là vọng ngữ, tức là nói láo, nói lời lừa gạt người khác, nói không thành thật. Hai là lưỡng thiệt, tức là hai lưỡi, khiêu khích thị phi, nói lời thêm bớt, khiến cho hai người bất hòa với nhau, tạo cái nghiệp cũng rất nặng.  
  
Ba là ác khẩu, tức là nói lời không có lễ phép, nói lời thô lỗ, khiến cho người nghe cảm thấy khó chịu. Bốn là ỷ ngữ, là hoa ngôn xão ngữ, nói lời thêu dệt, nói được rất hay, khiến cho người nghe bị quyến rũ, nhưng dụng ý bất thiện, như hiện nay trên xã hội, nào là điện ảnh, ca vũ, âm nhạc, thấy chẳng có gì là ác, nghĩ lại những thứ này là loại giáo dục gì cho mọi người? Đều là dạy người sát sanh, trộm cắp, dâm dục, vọng ngữ, đây thuộc về ỷ ngữ, nếu lìa khỏi bốn loại khẩu ác nghiệp, thì khẩu nghiệp thanh tịnh.  
  
Ý nghiệp có ba, tức là Tham, Sân, Si. Tham là tham ái, bao gồm keo bẩn, thường nói là sân tham, dục vọng không có thỏa mãn, thí mạng đi tìm cầu, hy vọng đạt được thỏa mãn, đây là lòng tham, một khi đã đạt được, thì không chịu buông xả, không chịu bố thí giúp đỡ cho người khác, thì gọi là keo bẩn, đối với sự tu học là một chướng ngại rất lớn. Phật chỉ dạy cho chúng ta phương pháp bố thí để đối trị lòng tham. Kế đến là sân, tức là sân hận, tham không được thì sanh lòng sân hận, lòng sân hận là phiền não rất lớn, cho nên Tham Sân Si là tam độc phiền não. Lòng tham là nghiệp nhân của ngạ quỷ. Lòng sân hận là nghiệp nhân của địa ngục. Ngu si là nghiệp nhân của súc sanh. Cái gì gọi là ngu si? tức là chẳng có trí huệ, pháp thế gian và Phật pháp có chân có giả, có chánh có tà, có phải có quấy, có thiện có ác, họ không thể phân biệt, nhận thức không rõ ràng, đem giả cho là chân, đem tà cho là chánh, đây là ngu si, bất luận họ có ý hay vô ý. Tam độc phiền não là chướng ngại minh tâm kiến tánh rất nghiêm trọng, chúng ta tu học Phật pháp phải tu từ căn bản, căn bản là tâm, phải đoạn trừ Tham Sân Si, thì chân tánh mới hiện ra.  
  
B. Phước báo nhị thừa: Thọ trì tam quy, giữ vẹn các giới, chẳng phạm oai nghi.  
  
Thọ trì tam quy, trước tiên nhập Phật môn thì phải bái Lão Sư (lạy Thầy), cầu truyền thọ tam quy, là một việc rất long trọng, cũng là chánh thức lạy Thích Ca Mâu Ni Phật làm Thầy, tự nguyện một đời y theo lời dạy bảo của Thầy mà tu học, thật sự tu hành, được Thầy truyền thọ tổng cương lĩnh và nguyên tắc phương pháp tu học, gọi là truyền thọ Tam Quy Y. Tam Quy là Quy Y Phật, Quy Y Pháp, Quy Y Tăng… Nếu từ trên ý nghĩa mà nói, tức là Quy Y Giác, Quy Y Chánh, Quy Y Tịnh. Phật là Giác, Phật là ý nghĩa Giác Ngộ. Pháp là Chánh, Pháp là Chánh Tri Chánh Kiến. Tăng là Tịnh, sáu căn thanh tịnh, một hạt bụi không nhiễm. Cho nên cái y cứ chủ yếu tu hành của chúng ta, là y theo tự tánh Giác, tự tánh Chánh, tự tánh Tịnh, gọi là tự tánh Tam Bảo.  
  
Quy Y Phật, cái gì gọi là Quy Y? Quy là hồi đầu, Y là nương tựa, Phật chỉ dạy cho chúng ta, phải từ mê hoặc điên đảo hồi đầu, nương tựa tự tánh Giác, tự tánh vốn là Giác, Quy Y Phật không phải Phật bên ngoài, là Quy Y tự tánh Phật,  
  
Đây là tự tánh Phật Bảo. Trong Tịnh Tông nói, tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ, cho nên Quy Y tự tánh Phật, tức là Quy Y tự tánh Giác, Giác mà không mê, mới là chân chánh Quy Y Phật.  
  
Quy Y Pháp, tức là cách nghĩ cách nhìn cách làm của chúng ta đối với vũ trụ nhân sanh hoàn toàn cùng với chân tượng sự thật phù hợp, tư tưởng chính xác, kiến giải chính xác, tại trong kinh Phật gọi là Chánh Tri Chánh Kiến, hoặc là Phật Tri Phật Kiến, đây là tự tánh Pháp Bảo, không phải bên ngoài đến, Phật dạy chúng ta từ cách nghĩ cách nhìn cách làm sai lầm hồi đầu trở lại, nương theo Chánh Tri Chánh Kiến của tự tánh, gọi là Quy Y Pháp.  
  
Quy Y Tăng, Tăng là ý nghĩa thanh tịnh, sáu căn thanh tịnh, sáu căn là mắt tai mũi lưỡi thân ý, tiếp xúc cảnh giới bên ngoài sáu trần, sáu trần là sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp. Người phàm phu khi sáu căn tiếp xúc sáu trần thì bị ô nhiễm, khởi lên lòng tham, lòng tham là ô nhiễm, chúng ta phải từ tất cả ô nhiễm hồi đầu trở lại, nương theo tâm thanh tịnh của mình, đây là tự tánh Tăng Bảo, tức là Quy Y Tăng.Tam Quy Y, tổng kết mà nói, Quy Y Phật tức là Giác mà không mê. Quy Y Pháp tức là Chánh mà không tà. Quy Y Tăng tức là Tịnh mà không nhiễm.Ngoài ra, còn có trụ trì Tam Bảo, trụ trì Tam Bảo tức là tượng Phật, kinh điển, người xuất gia. Ba thứ này tuy không phải là chổ Quy y chân chánh của chúng ta, nhưng tác dụng của nó tượng trưng cho Tam Bảo trụ thế, có thể đánh thức chúng ta hồi đầu nương tựa… Trụ trì Tam Bảo đối với chúng ta có sự lợi ích công đức rất lớn. Nên biết, Quy y không phải Quy y một vị pháp sư nào, pháp sư chỉ là đại biểu cho tăng đoàn, họ đem ý nghĩa của Tam Quy và cương yếu tu học truyền thọ cho chúng ta… Chúng ta từ trong tâm hồi đầu, nương tựa tự tánh Giác, Chánh, Tịnh, đây mới là chân chánh Quy Y Tam Bảo.Giữ vẹn các giới, chẳng phạm oai nghi, các giới tức là có rất nhiều giới điều, quan trọng nhất là ngũ giới, ngũ giới là căn bản đại giới của nhà Phật. Xuất gia Sa Di và Sa Di Ni phải giữ 10 giới, Tỳ Kheo phải giữ 250 giới, Tỳ kheo Ni phải giữ 348 giới. Thật ra giới điều chỉ có phía trước 17 điều, tức là 4 giới trọng và 13 giới tăng tàn, đây thuộc về giới, những giới điều khác thì thuộc về oai nghi. Oai nghi là gì? Oai nghi là lễ phép, lễ tiết, tức là trong cuộc sống hằng ngày xử thế, đối người, tiếp vật, phải tuân thủ quy củ… Trong ngũ giới điều thứ nhất không sát sanh, điều thứ hai không trộm cắp, điều thứ ba không tà dâm, điều tứ tư không vọng ngữ, điều thứ năm không uống rượu, bốn điều phía trước là tánh tội, bất luận có thọ giới hay không thọ giới, hể phạm đều là có tội… Những người có thọ giới đã phạm thì gọi là phá giới, chỉ có điều thứ năm không uống rượu, người không thọ thì không phạm tội… Chúng ta phải hiểu rõ giới điều, thì mới có thể trì giới… Mỗi một giới điều cũng có Khai, Giá, Trì, Phạm. Ở dưới trường hợp nào là Khai giới, không phải Phạm giới, ở dưới trường hợp nào Trì giới, không thể Giá giới… Giới luật là hành trì của Phật, không có giới luật thì không có Phật pháp.  
  
C. Phước báo đại thừa: Phát bồ đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng kinh đại thừa, khuyến tấn người tu hành.  
  
Đại thừa là xây dựng trên nền tảng của tiểu thừa, phước báo đại thừa có 4 câu.  
  
Một. Phát bồ đề tâm, cái gì gọi là Bồ đề tâm? Bồ đề là tiếng phạn, dịch là giác ngộ, Bồ đề tâm tức là cái tâm thật sự giác ngộ, cái tâm chân thật không mê, đã giác ngộ cái gì? Giác ngộ đời người quá khổ, thường nói là tam khổ bát khổ… Sau khi giác ngộ, nhất định phải y theo phương pháp của Phật dạy tu hành, thì tự nhiên lìa khổ được vui, ra khỏi tam giới, vãng sanh tịnh độ, mới thật sự là phát Bồ đề tâm.  
  
Hai. Tin sâu nhân Quả, cái phước báo thứ ba này là Bồ Tát sở tu, cái nhân quả này không phải nhân quả thông thường, chúng ta cũng hiểu, thiện có thiện báo, ác có ác báo, thiện nhân thiện quả, ác nhân ác quả. Phật khuyên Bồ Tát tin sâu nhân quả, là Phật tại trong Kinh Hoa Nghiêm có nói: Thập Địa Bồ Tát thủy chung không rời niệm Phật, từ Sơ Địa cho đến Đẳng Giác, 11 ngôi vị thứ. Họ tu cái gì? Họ tu pháp môn niệm Phật, thì ra chổ này nói nhân quả là chỉ cho, niệm Phật là nhân, thành Phật là quả. Cho nên Phật ở chổ này khuyên Bồ Tát tin sâu nhân quả, tức là niệm Phật là nhân, thành Phật là quả.  
  
Ba. Đọc tụng kinh đại thừa, đây là Bồ Tát thiện, Bồ Tát học Phật, không thể một ngày không thấy Phật, không thể một ngày không đọc tụng kinh đại thừa, nên biết, đọc kinh không phải là đọc cho Phật nghe. Kinh là do Phật nói, Phật đâu có cần chúng ta đọc cho Ngài nghe, chúng ta đọc kinh là tiếp nhận lời dạy bảo của Phật, để đánh thức chính mình, dạy cho chúng ta khi khởi tâm động niệm, xử thế, đối người, tiếp vật, không làm trái nghịch lời của Phật dạy… khi hiểu rõ phương pháp và mục đích của việc đọc tụng kinh điển, thì phải y theo cương lĩnh mà tu học, mới có thể đạt được công đức lợi ích của Phật pháp thù thắng.  
  
Bốn. Khuyến tấn người tu hành, tức là phải khuyên mọi người nên học Phật, giúp đỡ mọi người tu hành tinh tấn, khuyên mọi người niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, đây là hạnh Bồ Tát.  
  
2. Lục Hòa Kính.  
  
Kiến hòa đồng giải, giới hòa đồng tu, thân hòa đồng trụ, khẩu hòa vô tranh, ý hòa đồng duyệt, lợi hòa đồng quân.  
  
1. Kiến hòa đồng giải, tức là xây dựng cùng ý thức chung, ở trong một đoàn thể, chúng ta đối với phương pháp và lý luận của sự tu học, nhất định phải có cùng chung một kiến giải, đây là nền tảng cộng tu của đại chúng.  
  
2. Giới hòa đồng tu, mọi người khi đã cùng ở chung với nhau tu học, thì phải lập ra một quy củ, nếu không có quy củ thì là sẽ loạn, không có trật tự, dĩ nhiên là có một quy ước cùng ở chung với nhau, nhất định bao gồm giới căn bản của Phật đã chế định, mọi người nhất định phải tuân thủ.  
  
3. Thân hòa đồng trụ, tức là mọi người cùng ở chung một nơi tu hành, xây dựng đạo tràng là thành tựu cho mỗi một phần tử, mục đích là ở chổ này, tuyệt đối không phải trốn tránh trách nhiệm xã hội, mà vào trong Phật môn tìm đường sống. nếu có cái quan niệm này, thì là hoàn toàn sai lầm, mọi người sinh hoạt trong đạo tràng đều bình đẳng như nhau.  
  
4. Khẩu hòa vô tranh, đây là nói mọi người cùng ở chung với nhau không có tranh luận, thật sự có thể dụng công tâm hướng theo đạo, mọi người ở chung với nhau, rất dể dàng tạo khẩu nghiệp, cho nên người xưa thường nói: bịnh từ miệng vào, họa từ miệng ra. Cổ đức dạy cho chúng ta: nói ít một câu, niệm thêm Phật hiệu.  
  
5. Ý hòa đồng duyệt, đây tức thường hay nói Pháp Hỷ Sung Mãn,chúng ta học Phật, bất luận tu học pháp môn nào, sự thành tựu kém cõi nhất, tức là được hoan hỷ, giả như học Phật, mà không đạt được khoái lạc, nhất định là có vấn đề, tức là phương pháp đã dùng sai, phải tự mình kiểm thảo tìm ra khuyết điểm, mọi người cùng nhau tu hành, người đều được pháp hỷ, người người đều được thành tựu.  
  
6. Lợi hòa đồng quân, đây là nói mọi người cùng ở chung một nơi tu hành, cuộc sống vật chất là bình đẳng, tài nguyên của đạo tràng, vào thời xưa, một phần là do nhà vua hộ trì, tức là do nhà nước xây dựng thập phương đạo tràng, kế đến là những vị đại phú trưởng giả quyên gốp ủng hộ, đạo tràng xây cất xong, thì thỉnh những vị cao tăng đại đức đến làm trụ trì, tu hành, giáo hóa chúng sanh, cho nên bất luận là nhà nước cúng dường, hoặc là đại chúng ở địa phương cúng dường vật chất, phàm là ở trong ngôi đạo tràng này, đều được hưởng thụ nhất loạt bình đẳng.  
  
3. Tam Học.  
  
Giới, Định, Huệ.  
  
Cái gì gọi là Giới Định Huệ Tam Học? những chúng sanh tạo thập ác nghiệp, thì Phật dùng Giới học để đối trị, Giới học là thuốc để đối trị ác nghiệp.  
  
Tâm của chúng sanh tán loạn, không được định, không được thanh tịnh, thì Phật dùng Định học để đối trị, Định học là đối trị tâm tán loạn.  
  
Chúng sanh ngu si, không biết tà chánh, thiện ác, phải quấy, đúng sai, lợi hại, thì Phật dùng Huệ học để đối trị.  
  
Nói tóm lại, chúng sanh tạo ác, tán loạn, ngu si, thì Phật dùng Giới Định Huệ để đối trị.  
  
4. Lục Độ.  
  
Lục độ là Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí huệ.  
  
1. Bố Thí: Bố thí có ba loại, tức là Tài thí, Pháp thí, Vô úy thí. Tài thí thì được giàu có. Pháp thí thì được thông minh trí huệ. Vô úy thí thì được khoẻ mạnh sống lâu. Cho nên muốn được giàu có, thông minh trí huệ, khỏe mạnh sống lâu, nhất định phải phát tâm tu tài thí, pháp thí và vô úy thí.  
  
2. Trì Giới: Trì giới tức là thủ pháp, tất cả vạn sự vạn vật thế gian và xuất thế gian, bất luận lớn nhỏ, cũng có phép tắc của nó, nhất định phải thuận theo phép tắc, thì mới có thể làm được cứu cánh viên mãn. Trong Lục Độ, Trì giới là bảo chúng ta lúc bình thường phải giữ phép tắc, không chỉ là thọ trì ngũ giới hoặc thập giới, đây là giới căn bản, mà là bảo chúng ta ở trong gia đình phải có quy củ, cha con, vợ chồng, anh em, đây là luân thường, phải có thứ tự lớn nhỏ, không được đảo lộn. Tại trong Phật cũng vậy, phải theo thứ tự tu học, trước tiên phải phát đại tâm, đại tâm tức là tâm nguyện phải độ tất cả chúng sanh, sau đó đoạn phiền não, đoạn tập khí, kế đến học pháp môn, sau cùng viên thành Phật đạo.  
  
3. Nhẫn Nhục: Nhẫn nhục tức là nhẫn nại, bất luận làm sự việc gì, cũng phải có tâm nhẫn nại, nếu không có tâm nhẫn nại, làm bất cứ việc gì cũng không thể thành tựu, tâm nhẫn nại là một điều kiện vô cùng quan trọng. Đức Thế Tôn tại trong Kinh Kim Cang nói về Bồ Tát tu lục độ, đặc biệt nhấn mạnh Bố thí và Nhẫn nhục, hai điều này là then chốt của sự tu hành thành công hay thất bại.  
  
4. Tinh Tấn: Tinh là chuyên tinh, chuyên nhất, Tấn là tiến bộ, do đây có thể biết, Phật pháp không phải bảo thủ, cũng không phải rớt lại phía sau, Phật pháp là ngày ngày đều cầu tiến bộ… trong vô lượng pháp môn, nhất định phải nhất môn thâm nhập, mới có thể thành tựu, nếu môn nào cũng muốn học, thì tuyệt đối không thể thành tựu, học một môn khi đã thành tựu rồi, thì hiểu hết tất cả những môn khác. Cho nên nói một thông tất cả đều thông, như pháp môn niệm Phật phải chuyên tu… Bất luận là pháp thế gian hoặc xuất thế gian, nếu muốn trong đời này được thành tựu, nhất định phải biết tinh tấn, bất luận là niệm Phật, tham thiền, trì chú, hoặc là nghiên cứu giáo lý, cũng phải biết tuân thủ cái nguyên tắc này. Nếu như tự mình phát tâm tu học, và cũng muốn giúp đỡ cho người khác, tốt nhất trong một đời chỉ học 1 bộ kinh, chuyên giảng 1 bộ kinh, đây mới là chuyên tinh. Phật Bồ Tát dạy cho chúng ta tu học phải nhất môn thâm nhập, thì gọi là tinh tấn, công đức lợi ích của tinh tấn vô lượng vô biên.  
  
5. Thiền Định: Thiền định là bao gồm cả thiền định của thế gian và xuất thế gian, thiền định thế gian là nói Tứ thiền Bát định, nếu như tu thành, thì tương lai sanh lên cõi sắc giới, vô sắc giới. Thiền định xuất thế gian có Đại thừa và Tiểu thừa, chư Phật Như Lai tu thiền định, chúng ta gọi là Thượng Thượng Thiền Định xuất thế gian, cái then chốt tu học toàn cả Phật pháp là ở nơi Định, không phải chỉ có Thiền tông mới tu Thiền định, còn những tông phái khác không tu Thiền định. Như niệm Phật mà nói, mục đích niệm Phật là phải đạt đến nhất tâm bất loạn, nhất tâm bất loạn tức là thiền định, Giáo hạ tu chỉ quán, chỉ quán cũng là Thiền định, trong Mật tông tu tam mật tương ứng, tương ứng tức là Thiền định, do đây có thể biết, mỗi một tông phái, pháp môn, tuy dùng danh từ khác nhau, thật ra cũng là tu Định.  
  
6. Trí Huệ: Tiếng Phạn gọi là Bát nhã, Trí huệ Bát nhã là ứng dụng trong cuộc sống hằng ngày… đối với tất cả pháp đã hiểu rõ, thông đạt, mà không chấp trước tất cả pháp, tận tâm tận lực đi giúp đỡ người khác. Vì sao phải đi giúp đỡ cho người khác? Vì chư Phật Bồ Tát hiểu được tận hư không biến pháp giới, tất cả chúng sanh đều cùng với mình đồng một thể, đã là đồng một thể, cho nên giúp đỡ tất cả chúng sanh không cần nói điều kiện, gọi là Đồng Thể Đại Bi, Vô Duyên Đại Từ.  
  
Nói tóm lại, làm tất cả việc đều có phương pháp, đều có thứ tự, thì gọi là Trì Giới. Có tâm nhẫn nại, có nghị lực, gọi là Nhẫn Nhục. Chuyên tinh không giải đãi nhất môn thâm nhập, gọi là Tinh Tấn. Trong tâm có thể làm chủ được, không bị ngoại cảnh lay động, gọi là Thiền Định. Đới với tất cả vạn sự vạn vật đều thấu triệt, rõ rõ ràng ràng, minh minh bạch bạch, gọi là Trí Huệ Bát Nhã.  
  
5. Thập Đại Nguyện Vương của Phổ Hiền Bồ Tát.  
  
Lễ kính chư Phật, xưng tán Như Lai, quảng tu cúng dường, sám hối nghiệp chướng, tùy hỷ công đức, thỉnh chuyển pháp luân, thỉnh Phật trụ thế, thường tùy Phật học, hằng thuận chúng sanh, phổ giai hồi hướng.  
  
Thập Đại Nguyện Vương của Phổ Hiền Bồ Tát là ở trong Kinh Hoa Nghiêm, đây là pháp môn thành Phật, là pháp môn lý nhất tâm bất loạn, là cảnh giới của pháp thân đại sĩ, đặc sắc của hạnh Phổ Hiền, tức là tâm lượng quảng đại như hư không pháp giới vậy. Cho nên thập nguyện của Phổ Hiền, nguyện nguyện đều cứu cánh viên mãn.  
  
Một. Lễ kính Chư Phật, hai chữ Chư Phật này, Phật tại trong Kinh Hoa Nghiêm bảo với chúng ta rằng: Tình và Vô Tình, đồng viên chủng trí. Đây tức là Chư Phật, Tình là chỉ cho tất cả hữu tình chúng sanh, tức là tất cả động vật. Vô Tình là thực vật và khoáng vật. Cho nên Chư Phật là bao gồm sở hữu tất cả, đem cái tâm cung kính của chúng ta đối với Phật, chuyển qua đối với tất cả chúng sanh, đây tức là tâm Phổ Hiền… Tâm cung kính của Phổ Hiền là chân thật, chúng ta cung kính Chư Phật như thế nào, thì cung kính tất cả chúng sanh như thế đó, sự cung kính hoàn toàn như nhau. Tại vì sao? vì tất cả chúng sanh vốn tự thành Phật, nếu đắc tội với một chúng sanh nào thì đắc tội với Phật, tức là đối với Phật bất kính, phải đối với tất cả chúng sanh cung kính, đây là hạnh Phổ Hiền. Hạnh Phổ Hiền viên mãn nhất, Phương pháp tu hành thù thắng nhất.  
  
Hai. Xưng tán Như Lai, câu thứ nhất Lễ kính Chư Phật, vì sao câu thứ hai Xưng tán Như Lai, không gọi là Xưng tán Chư Phật, cái dụng ý này rất sâu. Lễ kính Chư Phật là từ trên hình tượng mà nói, từ trên tướng mà nói nhất loạt phải cung kính, nhìn thấy người thiện cung kính, nhìn thấy người ác cũng phải cung kính, không phân biệt thiện ác, không phân biệt tà chánh, cung kính chánh pháp, cũng cung kính tà pháp. Xưng tán Như Lai, là từ trên tánh mà nói, cái khác biệt ở chổ này, thiện thì chúng ta xưng tán họ, không thiện thì chúng ta không xưng tán họ, chỉ cung kính mà không xưng tán, chổ khác biệt ở tại đây.  
  
Ba. Quảng tu cúng dường, đặc sắc của hạnh Phổ Hiền, là tâm lượng quảng đại như hư không pháp giới, tại trong Phật pháp đại thừa là tánh đức viên mãn khởi dụng… Cho nên tánh đức của Phổ Hiền Bồ Tát khởi dụng là viên mãn, nguyện nguyện đều là tận hư không biến pháp giới… Ngoài cúng dường, cúng dường một đức Phật tức là cúng dường tất cả chư Phật, không những cúng dường tất cả chư Phật đã thành Phật, cũng cúng dường Tình và Vô Tình chúng sanh chưa thành Phật, cho nên một là tất cả, tất cả là một, đây là phương pháp tu học của Bồ Tát, cũng tức là cảnh giới của Hoa Nghiêm.  
  
Bốn. Sám hối nghiệp chướng, tất cả chúng sanh đều có nghiệp chướng, khi khởi tâm động niệm thì là tạo nghiệp, nhất định sanh ra chướng ngại. Chướng cái gì? Là chướng bản tánh của chúng ta, trong bản tánh chân tâm của chúng ta, có vô lượng trí huệ, có vô lượng đức năng, hiện tại trí huệ, đức năng, thần thông vì sao không thể khởi tác dụng… Vì có nghiệp chướng, tu hành khó thành tựu, nếu muốn nghiệp chướng sám trừ, chỉ cần thật sự phát nguyện sữa lỗi, chí thành niệm A Di Đà Phật, cầu sanh Tịnh độ, thì nghiệp chướng sẽ tiêu trừ. Pháp sư Từ Vân có nói: Tất cả kinh chú khó mà tiêu nghiệp chướng, chỉ có một câu A Di Đà Phật này mới có thể tiêu nghiệp chướng. Đây là sự thật… Muốn sám hối nghiệp chướng, chỉ có niệm Phật mới là chân thật sám hối… Chân thật niệm Phật thì tiêu trừ tất cả tội chướng.  
  
Năm. Tuỳ hỷ công đức, là đối trị cái phiền não nặng nhất của người phàm phu, đó là cái tâm ganh ghét, cái tâm ganh ghét là sẳn có khi sanh ra, có cái tâm ganh ghét này, đối với sự tu học là một chướng ngại rất lớn. Cho nên Phổ Hiền Bồ Tát dạy chúng ta phải tu tùy hỷ công đức, chẳng những không ganh ghét người ta, mà còn tùy hỷ, khi nhìn thấy người ta làm việc thiện, làm việc tốt, mà có thể sanh lòng vui mừng, tận tâm tận lực đi giúp đỡ cho họ được thành tựu, nhà Nho nói: Thành nhân chi mỹ, thành nhân chi thiện. Nên biết thành tựu cho người khác, tức là thành tựu cho mình, cái phương pháp tùy hỷ công đức này rất thù thắng.  
  
Sáu. Thỉnh chuyển pháp luân, chúng ta là đệ tử Phật, chịu sự giáo dục của Phật, đạt được sự lợi ích chân thật, chúng ta phải dùng phương pháp gì để báo ơn Phật? Nên biết tâm nguyện của Phật, là hy vọng tất cả chúng sanh có thể nghe được chánh pháp, y theo Phật pháp tu học, sớm được viên thành Phật đạo… Cho nên muốn thật sự báo ơn của Phật, tức là Thỉnh chuyển pháp luân, dùng lời hiện nay mà nói, tức là lễ thỉnh Pháp sư đại đức đến giảng kinh thuyết pháp, hoằng pháp lợi sanh, đây là phước đức rất lớn, người đứng ra lễ thỉnh Pháp sư đến giảng kinh thuyết pháp, cái phước báo này rất lớn.  
  
Bảy. Thỉnh Phật trụ thế, Thỉnh chuyển pháp luân mục đích chủ yếu là tuyên truyền Phật giáo, đem giáo pháp của Phật giới thiệu rộng rãi cho mọi người, trong đời này của chúng ta muốn tu học có được thật sự thành tựu. Thỉnh chuyển pháp luân vẫn chưa đủ… Cho nên nhất định phải Thỉnh Phật trụ thế, tức là phải lễ thỉnh vị Thầy có đức hạnh đến thường trú lâu dài, để chỉ dẫn cho chúng ta, chúng ta có thời gian lâu dài tiếp nhận huân tu, thì mới có thể thành tựu… Mọi người nếu muốn thành tựu, nhất định phải Thỉnh Phật trụ thế, nay Phật đã diệt độ, nhưng còn đệ tử của Phật, bất luận là xuất gia hoặc là tại gia cư sĩ, chỉ cần họ có tu, có học, có đức hạnh, có thể làm cái gương tốt cho chúng ta, có thể hướng dẫn cho chúng ta tu học, thì phải lễ thỉnh họ đến địa phương này thường trú, hoằng pháp lợi sanh, khiến cho địa phương này được họ chỉ dạy trường kỳ tu tập, như vậy mới có thể thật sự thành tựu. Cho nên muốn được thành tựu, thì nhất định phải thật sự phát tâm Thỉnh Phật trụ thế.  
  
Tám. Thường tùy Phật học, Phật còn tại thế thì nương theo Phật tu học, Phật là tấm gương tốt nhất của chúng ta, là mô phạm của chúng ta, nay Phật không còn tại thế, nhưng kinh điển của Phật vẫn còn ở thế gian, chúng ta nương theo kinh điển mà tu hành, cũng là Thường tùy Phật học, đây là tiêu chuẩn tu học Phật pháp cao nhất.  
  
Chín. Hằng thuận chúng sanh, đây là phải đối với pháp giới tất cả hữu tình chúng sanh, nhất định phải Thuận, Thuận là vô cùng khó làm, không dễ gì làm nổi, cho nên người Trung quốc nói Hiếu, tiếp theo là Thuận, tức là Hiếu Thuận, nếu không Thuận thì không có Hiếu, học Phật là hết lòng Đại Hiếu. Hằng thuận chúng sanh phải quán sát cơ duyên, khuyên nhủ chỉ dạy cho chúng sanh đoạn ác tu thiện, giúp cho họ phá mê khai ngộ, thì nhất định phải biết thời tiết nhân duyên, đến lúc nào thì ta phải làm, mới hợp với thời tiết nhân duyên, thì thu hoạch được hiệu quả viên mãn, cho nên phải có trí huệ, thiện xão phương tiện, mới có thể Hằng thuận chúng sanh.  
  
Mười. Phổ giai hồi hướng, tức là đem tất cả công đức học tập tu hành của chúng ta, toàn bộ hồi hướng cho pháp giới tất cả chúng sanh, hồi hướng cho họ chứng bồ đề, hồi hướng cho họ thành Phật đạo, mở rộng tâm lượng của mình, cùng với tận hư không biến pháp giới thành một thể, đạt đến cảnh giới này mới là chân chánh cứu cánh đại viên mãn.  
  
Nói tóm lại, chúng ta y cứ kinh điển tu học Tịnh Tông, tức là y theo Tịnh Độ Ngũ Kinh Nhất Luận, trong kinh luận chỉ dạy phương pháp tu hành, có năm điều khoa mục: Tam Phước, Lục Hòa Kính, Tam Học, Lục Độ, Thập Đại Nguyện Vương của Phổ Hiền Bồ Tát. Phương pháp vô cùng đơn giản, vô cùng dễ hiểu, một tí cũng không phức tạp. Chúng ta một đời tuân theo cái nguyên tắc này mà tu học, thì nhất định được thành tựu, như cổ đức có nói: vạn tu vạn người đi. Chúng ta đã có y cứ của kinh luận, đã có lý luận phương pháp tu hành, nhưng trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta dùng tâm thái gì, dùng thái độ gì, để đối người, đối sự, đối vật? Chúng ta cứ tuân theo năm điều khoa mục này, thì tuyệt đối không bao giờ sai, sau đó nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tịnh độ, tất cả mọi người đều được thành tựu viên mãn.  
  
*(Lược trích trong Nhận Thức Phật Giáo do Pháp Sư Tịnh Không giảng tại Miami Mỹ Quốc năm 1991)*

Phần 5

### Luật Yếu Tiết Lục - Quyển Thượng

*Khí thanh cao như sao sáng trời,*

*Oai nghiêm tịnh dường gió tan mây*

1) Phàm phu từ vô thủy kiếp đến nay, bị màn vô minh che lấp chơn tánh, nên khởi các vọng tưởng, vin theo ngoại cảnh lục trần, lung tình nhiễm theo năm món dục ở thế gian. Đem thân khẩu ý tạo nhiều lỗi lầm, đọa lạc vào ba đường ác, luân hồi trong sáu nẻo, không mong có ngày được ra khỏi.  
  
2) Sa-di lúc mới phát tâm xuất gia, vâng giữ 10 giới, siêng năng sách tấn tu hành, đoạn trừ phiền não hoặc-tập để mà cầu chứng được Niết-bàn diệu quả.  
  
3) Giới là răn cấm, Luật là phép tắc. Phòng ngừa điều quấy, ngăn dứt điều ác nên nói là giới. Xử đoán nặng nhẹ, lúc nào nên khai duyên hay cấm chỉ mà khéo giữ cho đúng là trì hay phạm nên nói là luật.  
  
4) 10 giới xác thật là thềm thang để vượt xuất thế gian, là cánh cửa đi vào Niết-bàn vậy.  
  
5) Do bệnh của chúng sanh chẳng phải một, nên phương thuốc được chia ra thành nhiều toa.  
  
6) Luật chế tỳ-kheo, năm hạ về trước ròng chuyên rành về giới luật. Cần phải hiểu rỏ thế nào là trì, phạm, biện rỏ việc của tỳ-kheo rồi thì về sau mới được phép học tập kinh luận. Người thời nay học hỏi bỏ qua thứ lớp, nên chỗ hành trì đã mất đi thứ tự thì không do đâu mà được nhập đạo.  
  
7) Khinh giới chính là toàn tự khinh mình; hủy bỏ luật lại trở thành chính tự hủy mình vậy. Ôi! tình vọng dễ quen huân tập, cái tột cùng của đạo khó nghe, những bực tột chứng siêu quần trong vạn người khó có một.  
  
8) Kẻ ngu không có con mắt huệ, chẳng biết rõ phải quấy, cuồng vọng tà kiến cố chấp, chẳng biết tuân theo thứ lớp mà học.  
  
9) Phật tạng kinh nói: “trước chẳng chịu học tiểu thừa, sau rồi mới học đại thừa, như vậy chẳng phải là đệ tử Phật.”  
  
10) Giới chính là phao nổi để vượt qua biển khổ, là chuỗi anh lạc để trang nghiêm pháp thân, cho nên cần phải cẩn thận, chớ để có chổ tơ hào khuyết phạm.  
  
11) Vân Nhất luật sư nói: “Phật pháp ba đời đều lấy giới làm căn bản. Cái gốc mà không chịu tu thì cách đạo càng xa vời lắm vậy.”  
  
12) Kinh Dịch nói: “đức của thánh nhân sánh bằng trời đất, sáng bằng nhựt nguyệt, biết thời tiết bốn mùa, cùng quỷ thần biết sự kiết hung. Đây là những bậc thánh ở thế gian.  
  
13) Thánh nhân xuất thế gian tuy không nghe tiếng nói nhưng hiểu biết tâm niệm chúng hữu tình trong chín cõi, thấu lý chơn đế rõ các cơ đức sánh bằng pháp giới. cùng hai trí (căn bản trí & hậu đắc trí) sáng hiệp nhau, cùng thời biết bốn cơ (nhơn thiên, nhị thừa, bồ-tát & Phật) hiệp nhau, tối sáng cùng các thánh hiệp nhau.  
  
14) Luật rằng: “nên nhớ nghĩ chỗ xuất thân cùng ân đức của thầy bạn mà tinh tiến hành đạo, hầu mong độ thoát mẹ cha.”  
  
15) Bọ bay máy cựa, côn trùng nhỏ nhít, bẩm thụ đầy đủ sắc thân tâm tánh, đồng một nguồn giác, tham sanh úy tử, đau thương vui khổ cùng với loài người chẳng khác. Đã đồng một nguồn giác tức vị lai cũng đều là chư Phật.  
  
16) Sáu căn sáu thức, nương nhau tương tục sanh khởi nên viết là mạng. Một khi tướng tương tục này đoạn dứt thì liền nói là chết.  
  
17) Trong ba nghiệp (thân, khẩu, ý) thì tâm là chủ tể, nên khi kết tội có nhẹ có nặng là do tâm đối cảnh không đồng mà ra.  
  
18) Kinh nói: “không được thiêu đốt núi rừng vì tổn hại đến chúng sanh; moi móc hồ ao ngăn ngòi lấp rạch sẽ khiến tàn hại các loài thủy tánh.”  
  
19) Đạo lý từ bi chính là con đường lớn lợi ích chúng sanh của bồ-tát. Từ hay khiến cho vui, bi hay dứt trừ khổ não.  
  
20) Kinh nói: “Ra ơn giúp ngặt, khiến họ được an, bằng thấy kẻ khác giết hại, phải khởi lòng từ thương xót.”  
  
21) Hết thảy chúng sanh đối với hai thứ tài, pháp, đa phần đều có chỗ thiếu thốn. Nên thấy chúng sanh khởi lòng tham lam lận tiếc, phá giới, sân giận, lười biếng, tán loạn, ngu si làm chướng ngại phải nên vì họ giảng nói bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ mà tế độ cho họ. Đem tài vật mà bố thí hay khiến cho thân được yên ổn, đem pháp lành bố thí hay khiến cho tâm được yên ổn.  
  
22) Kệ rằng: “Đem tâm từ bố thí cứu giúp cho một người công đức lớn như đại địa. Vì ích kỷ riêng mình thì dầu bố thí cho tất cả được quả báo chỉ như hạt cải. Lại cứu giúp cho một người đang gặp ách nạn, lại trội hơn bố thí cho tất cả người khác.”  
  
23) (Nếu mình vô tài lực) Thấy người khác sát sanh nên sanh lòng từ mẫn, thương cho kẻ đang sát sanh kia, tội khổ ắt sẽ đọa vào ba đường ác. Còn kẻ đương bị giết kia ắt đau đớn tột cùng. Ôi! nghiệp báo oan gia đã kết chặt đời này, sự báo thù trả vay, vay trả biết đến đời nào mới dứt. Quán xét như thế rồi ta liền phát nguyệnt: “Nguyện ta tu hành mau đắc được bồ-đề, thệ độ muôn loài thảy đều được giải thoát.”  
  
24) Tội sát sanh khổ báo không lường, mà chịu tội khổ ấy biết khiếp nào mới hết. Ôi thật thảm thương.  
  
25) Phật nói sát sanh có 10 tội:  
  
i. Thường chứa độc trong tâm, đời đời không dứt.  
  
ii. Người đời chán ghét, mắt chẳng muốn nhìn.  
  
iii. Thâm thường niệm ác và nghĩ những việc ác.  
  
iv. Chúng sanh thấy được sợ hãi như sợ hổ báo rắn rết  
  
v. Khi ngủ hay giựt mình, lúc thức tâm chẳng được yên.  
  
vi. Thường mơ thấy ác mộng,  
  
vii. Khi mạng chung thường chết một cách ghê gớm  
  
viii. Gây nghiệp nhơn chết yểu về đời sau  
  
ix. Thân vừa hoại mạng chung liền đọa vào địa ngục  
  
x. (Nếu tội trong địa ngục hết rồi) được sanh trở lại làm người thì thường chết yểu.  
  
26) Những vật quý trọng như vàng bạc cho đến vật nhỏ như cây kim ngọn cỏ, người ta không cho thì mình chẳng được phép lấy.  
  
27) Hoa Tụ bồ-tát nói: “tội ngũ nghịch và tội tứ trọng ta còn có thể cứu được, còn tội trộm lấy vật của chúng Tăng thì ta không thể cứu được.”  
  
28) Từ trước nói lấy vật của thường trụ cho đến đây nói trốn thuế, dối đò v.v… phàm có lén lấy, đều liệt vào tội danh trộm cắp, tội này không thể sám hối.  
  
29) Người xưa có câu: “Người không tốt không làm bạn, của phi nghĩa không lấy, của phi tài hại mình, lời nói ác hại người.” Ôi! kẻ thế Nho còn vậy, huống trang thích-tử coi vàng ngọc như sành sỏi, mà chẳng bằng hay sao!?  
  
30) Kinh Lục Độ Tập rằng: hồi đời trước đức Phật còn làm người nghèo, ngài nói rằng: “ta thà giữ đạo nghèo hèn mà chết, chớ chẳng làm người vô đạo, giàu sang mà sống.”  
  
31) Kinh Tăng Nhất A Hàm nói: Phật dạy các tỳ-kheo: “nếu ai trộm cắp vật của người ta, sau khi mạng chung, sanh trong địa-ngục lửa dữ thiêu thân, nước đồng sôi rót vào miệng, hoặc trụng chảo dầu, quang vào lò lửa, gươm dao đâm lụi, hấp nóng, bỏ chỗ dơ thối, cối xay nghiền nát, cối giã đâm nhừ. chịu đủ thức chua chát đau nhức không thể kể xiết. Chịu tội ở địa-ngục xong, kế sanh làm loài súc sanh trải qua trăm nghìn năm ra sức để đền bù nợ cho người.  
  
32) Kinh Lăng Nghiêm nói: “bằng như các thế giới, chúng sanh trong sáu đường, tâm không dâm thì không dính líu theo dòng sanh tử, tâm dâm chẳng trừ thì trần lao không thể nào ra khỏi. Cho nên phải đoạn trừ động cơ dâm, cho đến thân và tâm chỗ đoạn cũng không, thì quả Phật bồ-đề mới mong khá được.”  
  
33) Bồ-tát giữ giới-trọng cũng như giới-khinh luôn luôn kiên cố và kính trọng, không hề khác biệt. Bồ-tát còn như thế, huống chi bực thanh-văn mong thoát khỏi sanh tử.  
  
34) Kinh Thập Giới nói: ” tuy dâm lung mà sống, chẳng bằng như trong sạch mà chết.”  
  
35) Lời nói, hạnh làm tuy lành, nhưng không có thật tâm cũng chẳng phải là môn đồ của Thánh-nhơn vậy.  
  
36) Bài ca lời tình đều là thứ khêu gợi lòng ái dục, làm tăng trưởng niềm bi ai cho người, (bài ca) khiến người nghe xiêu cảm lòng người, (lời tình) hay rù quyến tình dục cho người, làm thay đổi tánh thường của người, xao động tâm chí người, làm mất chánh niệm của người.  
  
37) Miệng thốt những lời thô ác bất thiện, mạ nhục hủy báng người ta. Lửa sân một phen nổi lên, phừng miệng, đốt lòng, hại người trước mặt đau đớn như dao cắt, thật trái niệm từ của bồ-tát, cũng sát tâm lành kẻ xuất gia.  
  
38) Thành Thật Luận nói: “lòng lành dạy bảo, tuy họ biệt ly, nhưng mình không mắc tội. Bằng đem lòng ác, xúi người đánh lộn, tức là hai lưỡi, mắc tội rất nặng đoạn trong ba đường ác, đời đời mắc quả bà con hung dữ và phá hoại gia đình. Là vì đời nay ta phá hoại gia đình bà con người nên mắc phải quả báo biệt ly.  
  
39) Kinh Báo Ân, Phật bảo A-nan: “người sanh trong đời, họa từ miệng mà ra, phải gìn nơi miệng lắm hơn lửa dữ, vì lửa dữ bừng cháy đốt của thế gian, miệng dữ bừng cháy đốt “thất thánh tài.” (1. Chánh tín, 2.tinh tấn, 3. giữ giới, . biết hổ thẹn, 5. Ưa nghe Phật pháp và dứt trừ phiền não, 6. thiền định, 7. Trí huệ).  
  
40) Khổng tử nói: “dấu sự tốt của người, gọi rằng che lấp người hiền, bày cái xấu của người ấy là đứa tiểu nhân.” Thái Công nói: “muốn so lường người ta, trước phải so mình, lời nói hại người, trở lại hại mình, ngậm máu phu người, miệng mình dơ trước.”  
  
41) Kinh Vị Tằng Hữu nói: “vọng ngữ có hai. 1.- nặng & 2. nhẹ. Vì cớ muốn người cúng dường cho nên ngoài hiện hạnh tinh tấn, trong tâm làm việc tà trược, nói vọng với người rằng: ta đặng cảnh giới thiền định! hoặc nói thấy Phật, thấy trời, rồng, quỷ thần v.v… gọi là đại vọng ngữ. đọa vào A-tỳ địa ngục. Lại có người nói vọng, hay khiến chết người, phá hoại nhà người, hoặc trái lời kỳ hẹn, khiến người buồn giận, gọi là vọng ngữ bực hạ, đọa địa ngục nhỏ. Còn bao nhiều những việc nói chơi giỡn cười và như những việc lý đáng giấu, sự đáng cấm, có nói không, không nói có, – không phạm.  
  
42) Còn các lời nói vọng vì cứu người nạn phương tiện chước khéo, từ bi lợi giúp ấy, – không phạm.  
  
43) Tư Mã Ông là người hiếu thuận, trung tín, cung kiệm, chánh trực từ bé đến già chưa từng nói vọng ; cho nên ông thường nói: “đạo chí thành rất khó vào, song phải tự chẳng nói vọng làm trước.”  
  
44) Kinh chép sự tích, “một Sa-di khinh cười một thầy tỳ-kheo già đọc kinh tiếng như chó sủa, mà tỳ-kheo già đó, là bực A-la-hán nhơn dạy ông Sa-di mau sám hối, xảy khỏi địa ngục, nhưng còn đọa làm thân chó.” Ôi! một lời nói dữ, mắc hại đến thế!  
  
45) Kinh nói: “luận kẻ ở đời, búa ở trong miệng, sở dĩ chém mình là do lời nói ác.” Việc đáng chê lại khen, đáng khen lại chê, tự mình chuốc lấy sự khổ, quyết không có vui!  
  
46) Luận Địa Trì nói: “tội vọng ngữ làm cho chúng sanh đọa ba đường ác, bằng sanh trong loài người, mắc hai món quả báo: 1.- hay bị người chê bai ; 2.- bị người lường gạt.  
  
47) Phật nói: nếu ai y ta làm thầy, thì không được uống rượu và đừng cho người uống, đừng chứa để, cho đến không được lấy ngọn cỏ nhúng rượu rồi nhỏ vào trong miệng. trừ phi có bệnh nặng, lương y bảo phải lấy rượu làm thuốc, thời tạm quyền mở cho, chớ không phải ăn uống hoài hũy. Nếu không bệnh giả bệnh, bệnh nhẹ giả bệnh nặng, đều phạm.  
  
48) Xưa có ông Ưu-bà-tắc nhơn phá giới rượu si mê bèn phá luôn các giới khá. Trong 36 lỗi, một phen uống rượu đủ hết, lỗi chẳng phải nhỏ vậy.  
  
49) Kinh Tát-chi-ni-càn-tử nói: “rượu là gốc buông lung, muốn khỏi đường ác, đừng uống, thả bỏ trăm nghìn thân, chớ hủy phạm giới pháp. Thà khiến thân héo khô, trọn không uống rượu này, dầu cho tội hủy giới mạng sống đủ trăm năm, chẳng bằng giữ giới cấm, tức thời thân tiêu diệt.”  
  
50) Kinh Phạm Võng nói: không mặc đồ tơ lụa hàng nhiễu phương Đông, và mang giầy, dép, cáo cừu, áo yết, cùng ăn vị “nhũ lạc đề hồ” này vậy. Tỳ-kheo như thế mới là chơn giải thoát, đối với đời khỏi nợ trước đền bù, mà phải trở lại tam-giới.  
  
51) (Mặc áo thô) Chỉ vì dứt tâm mong cầu và đoạn niệm buông lung, ngõ hầu tấn tu đạo niệm.  
  
52) Kẻ thiền giảng đời bây giờ nói mình là bực đại thừa không chấp sự tướng, lụa, the đua tốt, tranh tươi, tím tía, sanh đỏ giành màu, buông lung tình tham, thảy đều trái lời Phật dạy. Đâu chẳng nghe ông “Hoành Nhạc” mặc áo bàng cỏ ngại, đỡ gió sương. Ngài Thiên Thai 40 năm chỉ mặc một áo nạp. Ngài Vĩnh Gia không mặc áo miệng tầm. ông Kinh Khê mặc tấm áo vãi to. Bởi vì các ngài đây là người thâm hiểu lý đại-thừa, mới chuyên tu khổ hạnh như thế. Xin hãy xem chư vị Tổ đức mà chớ nhiễm thói tà. Vưng theo lời đức Phật để tu thân, xứng đáng trang Phật-tử vậy.  
  
53) Xưa có vị Cao Tăng 30 năm mang một đôi giày, huống chúng phàm ư!?  
  
54) Như Kinh đã nói: ngửi hoa còn có điểm bị Thần trách, huống chi mũi ngửi, thân thoa nhơ đức, khá chẳng răn dè ư!?  
  
55) Xưa có ông tiên nhân nghe người nữ ca hát, âm thanh vi diệu liều mất thần túc, xem nghe còn mắc hại đến thế, huống tự mình làm ư!?  
  
56) Kinh Pháp Hoa nói: hoặc cho người nổi nhạc đánh trống, thổi ốc, ống tiêu, ống địch, đờn không hầu, đờn tỳ-bà, cái náo, cái đồng bạt, các tiếng hay như vậy đều đem cúng dường các đức Phật, hoặc đem tâm hoan hỷ, ca vịnh khen công đức của đức Phật, nhẫn đến một tiếng nhỏ cũng được thành Phật. huống chi kinh nói: “cho người khác (cư sĩ) làm, rõ là không phải thầy sa-môn tự làm vậy” Kinh lại nói: “đem cúng dường đức Phật, rõ là không phải để tự vui cho mình” vậy.  
  
57) Những chùa làm đạo tràng pháp sự của nhân gian họa may còn làm được. Nay ta vì đường sanh tử, bỏ tục xuất gia, đâu nên chẳng tu việc chính mà cầu học nghề âm nhạc cho hay.  
  
58) Người có trí biết tiếng kia sanh diệt, trước chẳng chờ sau, sau chẳng kịp trước, thì dầu có tướng cũng như không tướng. Quan sát được như thế, thời mới khỏi đắm mê, những người như thế, dù âm nhạc chư Thiên, cũng chẳng loạn cho họ được huống chi tiếng của nhân loại.  
  
59) Người xưa dùng cỏ làm đồ ngồi, đêm thì nằm dưới gốc cây. Nay ta có giường chõng cũng đã hơn xưa rồi, sao còn muốn công rộng buông lung vóc huyễn!?  
  
60) Ngài Hiếp Tôn giả, một đời lưng chẳng đặt xuống chiếu. Tổ Cao Phong Diệu thiền sư nguyện đứng 3 năm chẳng nương giường chõng. Ngài Ngộ Đạt thọ tòa trầm hương còn tổn phước mà chiêu lấy quả báo. Than ôi! khá chẳng răn dè lắm ư!?  
  
61) Thiền là tâm Phật, Luật là hạnh Phật. Đại-thừa, tiểu-thừa đồng học hết thảy. Có đâu tỏ ngộ tâm của Phật-tổ mà chê hạnh của Phật-tổ?  
  
62) Giới luật phế bỏ đã lâu, nhất thời khó đem cải chánh trở lại, cho nên cổ đức quyền khai, chung đồ kỳ phục bổn dã!  
  
63) Không nên chấp theo quyền-pháp mà bỏ thật-pháp, lấy đó làm phét tắc thường hoài. Y pháp chẳng y người mới phải là Phật-tử chánh kiến.  
  
64) Kinh Xứ Xứ nói: Phật dạy sau giờ ngọ không ăn có năm việc phước (1) ít dâm, (2) ít ngủ, (3) được nhất tâm, (4) ít hạ phong, (5) thân được yên ổn lại chẳng sanh bệnh.  
  
65) Thường phải quán sát thân này là gốc sanh, già, bệnh, chết. là nguồn các khổ, tự phải thâm trách, ngăn tình dục, sao lại buông lung ái căn kia, để tự tăng thêm gốc khổ cho mình!  
  
66) Giới luật đều cần như chim hai cánh, bay liệng trời xanh gió Phò Diêu ở dưới muôn dặm, đâu không khoái ư!? Thoảng một phen vọng sanh tâm tà giải liền mắc vào cái chấp ngoan không, chê nhân-quả, tác tội tại tâm để rồi chung thân chịu khổ lụy.  
  
67) Kẻ ăn “phải thời” tức là ruộng phước, tức là người xuất gia, tức là bạn lành của trời người, tức là vị Đạo sư cả cõi nhơn thiên.  
  
68) Vàng bạc bảy báu đều làm tăng trưởng tâm tham ái của người, cho nên hư hại đạo nghiệp tu hành; tham là căn của ngạ-quỷ. Ái là gốc sanh-tử. Đức Như-lai ra đời vốn vì đoạn tuyệnt nguồn gốc sanh tử của chúng sanh, nên dạy xa lìa lợi đời, áo cơm, phòng nhà đã nhờ người thí chủ, cho nên chứa để vàng bạc cũng thành chỗ vô dụng.  
  
69) Người đời nay, chẳng hay đều đi khất thực hoặc phải phương xa, khó tránh khỏi việc hao phí tiền bạc. Cố nhiên như vậy, nhưng phải biết trái lời Phật dạy, sanh tâm rất hổ thẹn. Nghĩ thương người nghèo khó, thường làm việc bố-thí. Không tham cầu, chẳng chất chứa, chẳng buôn bán và không dùng bảy báu để trang nghiêm y phục, khí cụ các vật v.v… họa may còn được được.  
  
70) Kinh Thập Giới nói: “chớ nên chất chứa của báu nhơ, người cho không thọ, thọ thời đừng để, đem giúp người nghèo ngặt, và thường vì người nói đức bất-tham.” Bộ Nghiệp Sớ nói: nếu đem tâm tà và tham nhiễm ham lợi bán Pháp, lễ Phật, tụng Kinh, nhịn ăn, v.v… chỗ có được của cải đều là của bất chính để nuôi mạng sống. Thảy đều chỉ là làm tăng trưởng gốc tham ái, tạo thành cái nghiệp lậu hoặc luân hồi vậy.  
  
71) Phật bảo các tỳ-kheo: nếu ta không giữ giới, sẽ đọa trong ba đường ác, còn chẳng được làm thân người hạ tiện. Huống chi giáo hóa thành thục chúng sanh, và gầy dựng nên cõi nước thanh tịnh của Phật, đầy đủ nhất thiết chủng trí.  
  
*(Bản Việt dịch lấy từ nguồn quanam.us)*

### Luật Yếu Tiết Lục - Quyển Hạ

*Trong tâm chứa đức sư tử,*

*Ngoài thân hiện oai tượng vương.*

1) Kinh Hoa Nghiêm nói: giữ gìn trọn đủ phép dạy oai nghi, hay khiến ngôi Tam-bảo chẳng đoạn, phải vậy.  
  
2) Đời mạt-pháp tình người hay sanh tâm biếng nhác, cho nên nghe nhiều thời sanh tâm chán nản, vì thế nên bớt bỏ văn nhiều mà dùng câu tóm gọn cho dễ người học và đọc.  
  
3) Tạp A-hàm kinh nói: “Phật bảo các tỳ-kheo, nên giữ lòng cung kính, thường nhiếp buộc tâm, thường thận trọng kinh sợ. nếu không cung kính, chẳng nhiếp buộc tâm, chẳng thận trọng lo sợ, mà muốn làm cho oai nghi được đầy đủ quyết không thể được. Không đủ oai nghi, muốn cho học pháp được viên mãn quyết không thể được. Học pháp chẳng viên mãn mà muốn khiến cho ngũ phần pháp thân được đầy đủ quyết không thể được. ngũ phần pháp thân chẳng đầy đủ mà muốn đạt đến vô dư Niết-bàn quyết không thể được.  
  
4) Trong Đại Luật dạy: phàm người xuất gia, chỗ có nói năng đều phải nói lời có lợi ích, chẳng nên riêng giận và bàn luận việc người. Trong Luận nói: bằng đến nhà thế gian, nói tội lỗi của tỳ-kheo thời người thế gian kia, đối trong phật-pháp, đã không tâm tín kính lại còn gây tội hủy báng thêm gốc khổ cho họ. Nếu ta nói tội lỗi thật ra lại là làm hư mất pháp thân của ta vậy.  
  
5) Luật dạy: “đệ tử gặp hòa-thượng nên đầy đủ bốn tâm: (1) thân ái ; (2) kính thuận ; (3) úy nan (sợ khó) ; (4) tôn trọng. Phải khéo phụng dưỡng và tiếp nhận sự truyền thừa khiến cho chánh pháp được cửu trụ, lợi ích càng được tăng trưởng rộng lớn.  
  
6) Thiên Thành Phạm nói: sa-di ở với Thầy thường có tâm kỉnh sợ, thuận theo ý thầy, thường biết xấu hổ lo đền 4 ân, cứu giúp 3 cõi.  
  
7) Thầy là người làm khuôn mẫu dạy chúng sanh trong 3 cõi, thế Phật diễn nói chánh pháp, sanh giới thân cho ta, nuôi huệ mạng cho ta, nên ta phải kính trọng coi cũng như Phật.  
  
8) Thầy tọa thiền chẳng lên làm lễ, thầy kinh hành chẳng nên làm lễ, thầy ăn cơm, thầy thuyết kinh, thầy đánh răng, thầy tắm rửa, thầy ngủ nghỉ, v.v… đều không nên làm lễ. Thầy đóng cửa chẳng nên làm lễ ngoài cửa. Muốn vào cửa lễ lạy, nên khảy móng tay ba lần (gõ nhẹ lên cửa 3 lần khiến cho thầy biết). Thầy không ưng thuận thì nên đi.  
  
9) Hầu thầy chẳng được đứng trước mặt, chẳng được đứng chỗ cao, chẳng đặng quá xa, phải đứng sao để thầy nói nhỏ mình nghe được khỏi phí sức thầy.  
  
10) Bằng thưa hỏi câu chuyện Phật pháp, nên y áo chỉnh tề lễ bái, quỳ gối chắp tay mà thưa hỏi. Thầy có lời dạy bảo thì phải lắng lòng nghe kỹ, in sâu vào óc.  
  
11) Vì vọng niệm chẳng khởi nên gọi là lắng lòng. Vì lóng nghe nên gọi là văn-huệ. Vì nhớ nghĩ tư duy nên gọi là tư-huệ, vì in sâu vào óc gọi là tu-huệ. Song nghe có 3 bực: (1) lấy thần mà nghe gọi là bực thượng; (2) lấy tâm mà nghe gọi là bực trung; (3) lấy tai mà nghe gọi là bực hạ.  
  
12) Ngũ Thập Tụng Luật nói: làm đệ tử thường mến mộ đức của thầy chớ nên xoi bới lỗi nhỏ. Có tâm tùy thuận theo thầy thì được thành công, còn chăm nhìn vào lỗi thầy thì tự mình tổn phước. Chỉ Quán nói: “cầu thầy chẳng phải ở nơi tận thiện tận mỹ, hầu thấy tất phải biết quên đi cái lỗi của thầy.”  
  
13) Bồ-tát Tùng Đẩu-Suất Hạ Sanh Kinh nói: người làm thị giả hầu thầy cần có đủ tám pháp: (1) Tín căn kiên cố ; (2) Kỳ tâm mịch tiến (có tâm tìm học, cầu tiến) ; (3) Thân không các bệnh ; (4) Tinh tấn (5) Cụ niệm tâm (đủ tâm thương thầy) (6) Tâm không kiêu mạn ; (7) Năng thành định ý (tâm bình tĩnh và quyết định) ; (8) Cụ túc văn trí (đầy đủ trí nghe).  
  
14) Phàm đệ tử phải lựa bậc minh sư gần gũi cho lâu, chớ nên lìa thầy quá sớm. Bằng thầy thật sự không thông hiểu Phật-pháp, thì nên riêng cầu bậc lương đạo.  
  
15) Đạt-thẩu-noa là phạm ngữ, xứ này dịch là thí. Thí pháp thời gọi là Pháp-thí, thí tài thời gọi là Tài-thí. Người tại gia thực hành tài-thí, kẻ xuất gia thực hành pháp-thí. Kinh Nhứt Lãm nói: tài-pháp nhị thí đầy đủ thì thành tựu, phước huệ lưỡng toàn mới có thể làm Phật.  
  
16) Phàm nghe tiếng chuông chắp tay thầm tưởng bài kệ rằng: “nghe tiếng chuông, phiền não nhẹ trí huệ trưởng, bồ-đề sanh. Lìa địa-ngục, vượt hầm lửa, cầu thành Phật độ chúng sanh.” – Án già ra đế da ta bà-ha (3 lần).  
  
17) Tạp Dụ Kinh nói: “Văn chung ngọa bất khởi, hộ pháp thiện thần sân, hiện tại duyên quả bạc, lai báo thọ xà thân. Sở tại văn chung thinh, ngọa giả tất tu khởi, hiệp chưởng phát thiện tâm, hiền thánh giai hoan hỷ”. Nghĩa rằng “nghe tiếng chuông nằm chẳng dậy, vị hộ pháp và thiện thần giận, đương đời phước quả ít, mắc báo sau này làm thân rắn. Cho nên khi ta nghe tiếng chuông, ai còn nằm cũng phải ngồi dậy, chắp tay phát tâm lành, hiền thánh đều hoan hỷ”.  
  
18) Người hiền có ba điều sợ: thầy tà, bạn xấu và ác thuật, bởi vì nó hay ngăn chánh đạo, dẫn đi đường tà. Sớm biết thì được lành thiện, bằng không biết phản tỉnh, thì khi sống không chút lợi ích, chết đi phải chịu khổ dài dài.  
  
19) Chẳng được ngồi nhìn đại chúng làm việc nặng nhọc mà mình tránh nhác trộm yên. Ngồi nhìn là người không biết hỗ thẹn, mà biếng nhác thì tổn phước. Kinh Thập Giới nói: “phẩi tận sức làm các việc của chúng Tăng”.  
  
20) Chẳng được lấy riêng của Chiêu-đề (của Thường Trụ) như tre, cây, hoa quả, rau trái, tất cả đồ ăn uống cùng hết thảy đồ vật, v.v…  
  
21) Chẳng được đàm luận việc được mất thuộc triều đình công phủ, chính trị và những việc hay dỡ tốt xấu của người thế gian. Kinh Thập Giới nói: “chẳng được luận nói chuyện quốc gia chánh sự, luận bàn việc hay dỡ, việc xuất trận hành binh, cùng đánh dẹp hơn thua” phải vậy.  
  
22) Chẳng được nhân việc nhỏ mà tranh chấp, nếu gặp việc lớn khó nhẫn cũng phải tâm bình khí hòa, dùng lý lẽ để biện luận, không được thì từ mà đi, nổi giận nói lời thô, tức không phải là tăng sĩ tốt.  
  
23) Trong Đại Luật nói: “người không tu nhẫn nhục có năm điều lỗi: 1.- hung ác càng thêm; 2.- Việc rồi hối hận; 3.- Nhiều người không ưa; 4.- Tiếng dữ đồn khắp; 5.- Chết rồi đọa đường ác.  
  
24) Trong Tứ Phần Luật, Phật dạy tỳ-kheo khi ăn, nên cúng thí đồ ăn cho người chẳng phải người (hàng phi nhân), nhẫn đến một nắm cũng được, tùy chỗ thành tâm.  
  
25) Phàm cơm xuất sanh nên để trong lòng bàn tay trái, tưởng niệm kệ rằng: “Nhữ đẳng quỷ thần chúng, ngã kim thí nhữ cúng, thử thực biến thập phương, nhất thiết quỷ thần cộng”. Nghĩa rằng các ngươi chúng quỷ thần, ta nay cúng thí cho người, cơm này khắp đủ mười phương, tất cả chúng quỷ thần.  
  
26) Phàm khi ăn phải làm năm phép quán: Một là xét kể công lao nhiều ít so với chỗ người mang đến, nếu ta không tu hành, một hột gạo cũng khó tiêu. Hai là xét đức hạnh mình đủ hay thiếu mà thọ nhận người cúng dường, nếu không giữ giới, ngồi thiền, tụng kinh, làm sáng việc Tam-bảo, thì đức kém, hạnh thiếu, không đáng thọ nhận người cúng dường, nếu thọ thì bị của thí đó làm cho ta phải sa đọa. Ba là ngăn tâm khỏi lỗi, mà tham sân là gốc. Kinh Luận Di Lặc Sở Vấn nói: “tất cả tâm hành ác, đều từ tham, sân, si sanh khởi. Bốn là chính như thuốc hay, chữa trị thân hình khô gầy. Nếu thấy được ăn uống, phải tưởng như là uống thuốc. Năm là vì thành đạo nghiệp, nên thọ thức ăn này. Nếu không vì đạo thì một hột gạo cũng khó tiêu.  
  
27) Bộ Ma Đức Lặc Già Luận nói: “nếu khi được ăn uống, mỗi miếng nên niệm thầm rằng: muỗng thứ nhất nguyện dứt tất cả việc ác. Muỗng thứ hai nguyện tu tất cả việc lành. Muỗn thứ ba chỗ tu các việc lành, nguyện hồi hướng cho tất cả chúng sanh, đều đồng thành Phật.”  
  
28) Người xưa (như vua Vũ) nghe được lời lành liền bái tạ, (thầy Tử Lộ) nghe người chỉ lỗi cho thì vui mừng, đó là khí tượng của bậc thánh hiền, sao ta không bắt chước?  
  
29) Trong kinh Thập Giới nói: “phàm nghe pháp tưởng như đói được ăn, như khát được uống, tất bóng (thời gian) không bỏ, chẳng cảm thấy chán khi nghe nhiều mới gọi là Phật tử.  
  
30) Ba món huệ là Văn, Tư và Tu (nghe, suy gẫm và tu tập), thiếu một cái cũng không thể được. Nếu nghe mà không suy gẫm, như người cày ruộng xong mà không gieo giống. Suy gẫm mà không tu, cũng như có gieo giống, nhưng không tưới nước và làm cỏ, cuối cùng không kết thành hạt. Nếu ba món huệ này được kiến lập, thì quả Tam-thừa quyết có thể được vậy.  
  
31) Kinh Pháp Luật Tam-muội nói: (1) Học mà không biết được quyền hay chước khéo, khinh dễ thầy bạn, không có nhứt tâm, thời ý hay dời đổi. (2) Học văn chảy chuốt mà không có thực hành, chỉ tham danh dự, trông mong được người kính trọng. (3) Học chỗ hầu thầy, chẳng siêng năng chịu khó, vừa được chút thành tựu, liền hư trương cống cao. (4) Ưa thích học sách ngoại đạo, lại đem những dị thuật để sánh với lời kinh sâu mầu của đức Phật, nói rằng đạo đạo đều ngang nhau. Những ác kiến như thế còn vượt hơn là thuốc độc, tất có hại cho “pháp thân huệ-mạng” vậy.  
  
32) Người xưa nói: việc học của người quân tử vào lỗ tai, để trong lòng, bủa khắp “tứ-chi” bày theo khi động tịnh. Còn việc học của kẻ tiểu-nhân thì vừa vào tai liền tuôn ra miệng, ở trong phạm vi của tai miệng chừng bốn tấc thôi, đâu đủ lành cho cái thân cao đến bảy thước!?  
  
33) Giới lực giữ chưa được vững chắc, phải trở lại học luật, chớ nên sớm tới trường giảng kinh, luận. Giữ giới chưa vững thời tâm chí không định, gót chân chưa vững tất bị phong trần dồn dập xuống lên. Tánh tướng hai tông, làm sao thông hiểu được? Chẳng phải bỏ đây thích kia, tức cũng bài bác không nhân không quả, chê bai lẫn nhau, đến nỗi chuốc lấy tội nặng vô-gián, nên không thể không kiên dè đó ư!  
  
34) Trong Ngũ Khổ Chương Cú Kinh, Phật dạy: bực thiện tri thức muốn dạy kẻ mới học, nên thong thả từ từ, giảng dạy các việc ma cho họ biết nhơn duyên của ma để giữ gìn. Tội khổ trong đường sanh tử, năm đường phân rành, khiến họ tin có tội phước, mọi sự được làu thông rồi, bây giờ mới có thể nói việc đạo.  
  
35) Luận người học phải y lời Phật dạy, chẳng được bỏ thứ lớp mà học, cho nên trước học luật, sau học kinh, như thợ mộc có dây mực, quy củ nắm chắc trong tay. Trước học kinh sau học luật như thợ mộc thiếu dây mực, thời kiểu mẫu vuông tròn ắt là sái phép.  
  
36) Trong Đại Luật – Phật dạy có hai phép học: (1) tụng kinh và hiểu nghĩa. (2) tham thiền và quán tưởng. Thiền là để lắng vọng hiển chơn, giải là để khái phát diệu huệ. Kinh Bát Nhã nói: (1) học tham thiền để khai mở trí tuệ. (2) học kinh để làm rộng thêm trí tuệ.  
  
37) Bực cổ đức nói: người mà biết nhiều thì việc nhiều, chẳng bằng dứt ý. Lo nhiều thì tổn thất nhiều, chẳng bằng chuyên nhất. Lo nhiều thì chí tán, biết nhiều thì tâm loạn. Tâm loạn thì phiền não sanh, chí tán thì ngăn ngại đạo.  
  
38) Hoặc có vị đàn-việt tín tâm đến thỉnh Tăng, muốn cầu phước để cho kẻ còn người mất được lợi ích, thì Phật cũng bảo một vị tỳ-kheo đến thuyết kệ và chú nguyện, cho đến tụng chừng một quyển kinh cũng đủ lợi ích cho người thí chủ.  
  
39) Sách Nho nói: trời thì có tai hoạn khá cầu, người thì có họa phước khá chuyển. Sở dĩ làm lành thì trời ban xuống trăm phước, làm chẳng lành thì trời gieo xuống cho trăm họa. Người xưa nói: một niệm lành thì khí hòa gió tốt, một niệm ác thì quỷ dữ yêu tinh. Xét xưa nghiệm nay, cũng đủ làm chắc thật.  
  
40) Giàu sang nghèo hèn, tốt xấu được mất đều do đời trước tự mình gây tạo nghiệp nhân thiện ác, cho nên đến đời này được báo đáp. Tóm lại, y báo, chánh báo thọ quả chẳng đồng, chung quy vẫn tự mình tự gây tạo thiện ác. Nếu có thể dời đổi cố nhiên chẳng phải chỗ khả năng của con người vậy.  
  
41) Trong Đại Quán Đảnh Kinh, Phật nói: sau khi ta diệt độ 1000 năm, có số tỳ-kheo thích học tập binh pháp, gần gũi quốc vương, cùng các vương tử, phụ tướng lương dân để rồi hủy diệt pháp của ta. Do vậy về sau, thường gặp ác tâm, đoạn diệt pháp ta, tháp tượng bị hủy hoại, do không có thần nghiệm, thiện thần không còn ủng hộ, nên khiến cho bị hủy hoại, không người phòng hộ ngăn chế. Pháp của ta đã biến hóa, vì vậy mà dần dần tiêu diệt.”  
  
42) Kinh Thập Giới nói: chẳng được ngước xem lịch số, coi tướng giàu nghèo, nào nhựt thực, nguyệt thực, các sao dời đổi, núi lở, đất động, gió mưa, nắng lụt, năm được mùa và năm mất mùa, trong năm có tai dịch hay không tai dịch, v.v… các việc như trên quyết không nên học.  
  
43) Họa phước định số đều bởi nhân đời trước. Nhân trước tuy đã định nhưng làm lành cũng có thể diệt được cái tội xưa. Làm ác quyết tổn phước lành của mình. Làm lành có thể bù lại cái quấy trước. Cho nên người đời có câu: cảnh cuộc đời người chẳng phải không, toàn nhờ âm chất giúp mới xong. Giàu sang bằng theo địa-lý đặng. Quách Phác dẫu còn cũng khó trông. Nguyên văn: phong thủy nhân giân bất khả vô, toàn bằng âm chất lưỡng tương phù. Phú quý nhược tùng phong-thủy đắc. Tái sanh Quách Phát dã nan đồ.  
  
44) Phật bảo A-nan: “chúng sanh đời mạt pháp, bởi các tà sư mê hoặc, bảo giết hại chúng sanh cúng tế nếu muốn cứu nguy ách. Kẻ giết hại đã đắc tội, và thiên thần địa thần kia tất cũng chẳng dám thọ nhận. Vì vậy nên ta nay rộng diễn nói chương cú quán đảnh, chân thật chú thuật, để hóa độ các vị chưa tin, chẳng liễu giải đạo vậy. Ông nên lưu bố tuyên truyền, chớ để cho hủy thất”.  
  
45) Chẳng được tập học sách vở ngoại đạo trừ trí lực có thừa, vì muốn biết sự sâu cạn của nội giáo và ngoại giáo thì có thể lội qua vượt qua, song cũng đừng sanh ý tưởng tập học.  
  
46) Chẳng được học tập thi từ, không được để tâm luyện tập viết chữ cầu cho khéo, chỉ cần viết chép ngay ngắn là đủ.  
  
47) Đối với kinh điển cũng như đối với Phật, không được giỡn cười. Không được mượn kinh của người để coi mà không trả, lại không gia tâm quý trọng để đến nỗi hư rách.  
  
48) Phàm vào cửa chùa, không được đi chính giữa, phải duyên theo bên trái bên phải mà đi. Duyên bên trái thì bước chân trái trước, duyên bên phải thì bước chân phải trước.  
  
49) Nếu lễ lạy Tam-bảo, thường niệm tưởng Tam-bảo chỉ đồng một thể. Giác ngộ rồi thì tất cả pháp gọi là Phật-bảo. Các pháp được giác ngộ đó gọi là Pháp-bảo, những người học pháp của Phật đó gọi là Tăng-bảo. Thời đủ biết tất cả phàm, thánh đều là đồng một thể không hai vậy.  
  
50) Tự là Từ vậy, là nơi nghị sự. Từ là nơi thuộc về việc của nội phủ, cho nên đấng thiên-tử có cửu tự. Hán Minh Đế năm Vĩnh Bình thứ 10, hai vị pháp sư Thiên-trúc Ma-đằng & Pháp-lan dùng bạch mã để chở kinh tượng đến Lạc-dương, được sắp xếp đi thẳng về an trí ở Hồng Lô Tự. Qua năm kế thì sắc lệnh bên ngoài Ủng Môn kiến lập riêng một cái Tự khác. Dùng Bạch Mã làm tên, chính là để chẳng quên cái gốc vậy, lại gọi tên là Tự.  
  
51) Phật nói: nhiễu tháp có năm phước đức: (1) đời sau được thân tướng đoan chính. (2) được tiếng tăm tốt. (3) được sanh lên cõi trời. (4) được sanh trong nhà vương-hầu. (5) được đạo Niết-bàn.  
  
52) Khi vào điện đường, Luật dạy phải đủ năm phép: (1) Cần có từ tâm cung kính tôn trọng người. (2) Nên thấp mình khiêm tốn như khăn lau bụi. (3) Phải biết khi ngồi, khi đứng dậy, khi cúi ngước cần phải theo thời. (4) Ở trong chúng không được nói lung tung. (5) Đối với những việc không thể nhẫn được cũng phải giữ im lặng.  
  
53) Khi xem kinh, phải vững mình ngồi ngay ngắn, lắng lòng nghiêm tịnh quán xét, chẳng được phát tiếng. Vững mình ngồi ngay thì niệm chánh, lắng lòng thì lý sanh vậy.  
  
54) Nên quý tiếc đồ vật của tăng-chúng. Đại luật nói: “Giữ gìn đồ vật của thường-trụ của chúng-tăng như giữ gìn tròng mắt của chính mình. Thiên Hành Hộ nói: “Lỡ có làm tổn hao các đồ vật của thường-trụ Tam-bảo, thì nên đền trả lại.  
  
55) Đời nay chẳng biết tiếc của, đời sau không có để sài, việc đời còn vậy. Huống chi là vật của thường-trụ chúng tăng, mà chẳng gia tâm quý tiếc giữ gìn hay sao!?  
  
56) Kinh Ôn Thất nói: tắm rửa có thể trừ được bảy thứ bệnh: (1) thân tứ đại nhẹ nhàng. (2) trừ chứng phong khí. (3) trừ chứng tê thấp. (4) trừ bệnh lạnh rét. (5) trừ bệnh nhiệt khí. (6) trừ nhơ nhớp. (7) thân được sạch, mắt được tỏ. Song cũng không nên tắm thường, trừ khi có nhân duyên như làm việc bụi đất, v.v…  
  
57) Nằm phải nằm nghiêng hông bên phải gọi là cách ngủ tốt lành, chẳng được nằm sấp, cùng nằm nghiêng hông bên trái.  
  
58) Đại luật nói: có năm hạng người hỏi pháp đều không nên vì họ mà thuyết: (1) thí vấn: hỏi thử. (2) vô nghi vấn: không nghi mà cố hỏi. (3) bất vi hối sở phạm cố vấn: không vì mình dạy bảo chỗ quấy, chẳng vì biết hối lỗi mà cố hỏi. (4) bất ái ngữ cố vấn: không phục lời nói của mình nên cố hỏi, hỏi cho ra lẽ. (5) cật nạn cố vấn: cố hỏi để bắt bẻ làm khó. Những người thưa hỏi như trên đều không nên đáp.  
  
59) Nếu vì họ mà thuyết Phật-pháp, trước phải khiến họ sanh tâm kính tin thâm sâu, phước huệ tăng trưởng, vượt thoát luân hồi, cũng tức là độ cha mẹ vượt ra khỏi biển khổ sanh tử luân hồi vậy.  
  
60) Chẳng được ngó liếc hai bên, chẳng được nói chuyện tạp, nếu cùng với người nữ nói chuyện chẳng được thấp giọng nói thầm, chẳng được nói nhiều. Chẳng được trá hiện oai nghi, giả trang thiền tướng cầu người cung kính. Chẳng được vọng thuyết Phật-pháp, loạn đáp lời hỏi của người, tự khoe mình đa văn, cầu người cung kính.  
  
61) Chẳng được nói lỗi lầm trong tăng-chúng, phàm là người chưa phải bực thánh-triết, mấy ai không lỗi. Ngài Ca-diếp còn đứng lên múa, vua Nghiêu Thuấn còn mắc các bệnh. Ta không có con mắt-huệ đâu thể xét biết kia phải quấy thế nào, đức độ chúng-tăng lớn như biển, Phật còn khen ngợi, nếu ta chỉ trích, tự mắc khổ báo vậy.  
  
62) Đi khất thực có được 10 điều lợi: (1) để nuôi mạng sống thuộc về lợi mình, chẳng thuộc lợi người khác. (2) Người cho ta ăn, phải tưởng làm sao ngôi Tam-bảo được bền lâu vậy sau mới ăn. (3). Thường sanh lòng thương xót. (4) thuận theo lời Phật dạy. (5) Dễ no và dễ sống. (6) Bẻ gãy tâm kiêu mạng. (7) Được căn lành. (8) khiến những người lành nhìn thấy liền bắt chước. (9) Chẳng cùng nam nữ gần nhau. (10) Thứ lớp khất thực, sanh tâm bình đẳng.  
  
63) Kinh Phật Thoại nói: “Tỳ-kheo ở nơi tụ-lạc, dầu nghiệp thân khẩu tinh tấn chư Phật vẫn thường lo. Tỳ-kheo ở núi rảnh việc nằm không, chư Phật thảy đều mừng”. Nên cổ đức nói: “Tăng trụ thành hoàng Phật tổ ha. Tiên-hiền đô thị ẩn nham a. Sơn-tuyền lưu xuất nhân gian khứ. Thanh-thủy y nhiên thành trược ba”. Nghĩa rằng: ” Tăng ở thị thành Phật-tổ la. Tiên-hiền quý vị ở non mà. Nguồn trong trên núi nhân gian chảy. Thanh thủy trở thành sông đục ra”.  
  
64) Không được kèo nài mắc rẻ, cần thuận theo giá cả, chẳng nên xin bớt làm kém hao của người. Chẳng nên trả giá mắc, làm lãng phí của tín thí và thường trụ.  
  
65) Đã hứa mua vật của người trước, người sau tuy có rẻ hơn cũng đừng bỏ kia mua đây khiến cho người chủ trước sân giận, lại đó chẳng phải tâm của người tu đạo.  
  
66) Phải cẩn thận chớ bảo lãnh những người mắc nợ. Nếu ta bảo lãnh tội lỗi, nợ nần của người kia, về sau lại trở thành oán trách phỉ báng, đến nỗi ta phải mang lấy ương lụy vậy.  
  
67) Phàm khi ra vào qua lại trước phải bạch thầy. Cho đến việc lớn, hoặc đi du phương, hoặc đi nghe kinh, hoặc đi nhập chúng, hoặc đi giữ vườn, hoặc muốn xây dựng việc chùa chiền, v.v… đều phải bạch thầy, chẳng được tự làm theo ý mình.  
  
68) Đi xa phải nương bạn lành. Kinh Tâm Địa Quán nói: “Hết thảy bồ-tát tu thắng đạo, có bốn pháp yếu cần phải nên biết. Gần gũi bạn lành là một. Biết lắng nghe chánh pháp là hai. Như lý tư duy quán sát là ba. Như pháp tu hành chứng quả là bốn. Mười phương tất cả các bậc đại thánh đều tu theo bốn pháp yếu này mà chứng được bồ-đề”.  
  
69) Kinh Nhân Quả nói: “Bạn lành có ba việc cần yếu. (1) thấy mình có lỗi liền biết can gián cho nhau. (2) Thấy mình có việc tốt liền hết lòng sanh tâm tùy hỷ. (3) Lúc gặp khổ nạn không rời bỏ nhau”.  
  
70) Người xưa khi tâm địa chưa thông thì chẳng ngại đường xa nghìn dặm cầu thầy. Phải vì tìm thầy học đạo, quyết dứt đường sanh tử, chớ nên vì xem non ngắm biển, chỉ tính việc ngao du rộng xa để khoe khoang với người.  
  
*(Bản Việt dịch lấy từ nguồn quanam.us)*